

TUẦN BÁO RA NGÀY THU BAY

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY:

— Vấn đề thuộc địa sau chiến tranh

ĐO ĐỨC DỤC

— Những ruộng bỏ hoang

PHẠM GIA KÍNH

— Một chính sách bạo ngược của người Pháp : giá thóc phải nộp cho nhà nước

VŨ ĐÌNH HÒE

— Nguyên tắc phân quyền hành-chính và tư-pháp

BÙI TUÔNG GIỀU

— Thực dân để truyền bá văn minh ?

Đ. C. T.

— Người Pháp đã hiểu những cuộc cách mệnh Việt-Nam như thế nào ?

TRỌNG ĐỨC

— Nhật xuất (kịch của Tào Ngự)

ĐẶNG THÁI MAI dịch

— Một tâm hồn nghệ sĩ (nguyên văn của Somerset Maugham — tiếp theo)

LÊ ĐÌNH CHÂN dịch

NĂM THỨ NĂM SỐ 110 — NGÀY 26 tháng Năm 1945

TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG DÀ HÀ NỘI *Giấy số : 19.43* C1A

1.20

GIÁ BÁO. — BAC - KỲ, TRUNG - KỲ, NAM - KỲ, CAO - MIỀN, LẠO 3 th. 15\$00, 6 th. 30\$00, 12 th. 55\$00

BAO THANH - NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH

Trong số mùng 2 tháng 6 1945

- | | |
|--|----------------------|
| — Địa-vị hiện thời của nước Pháp trên trường quốc-tế | HỒ ĐỨC DỤC |
| — Vài vấn đề vệ sinh ở thôn quê | NGUYỄN ĐÌNH HẠO |
| — Những ruộng bỏ hoang. | PHẠM GIA KINH |
| — Dự thảo về sự tổ chức tư pháp | BUI TƯỜNG CHIỀU |
| — Vài tài liệu về chế độ rượu dưới thời đô hộ của người Pháp | BUI BAN và TRỌNG ĐỨC |
| — Vấn đề bảo đảm trong hòa-trước Versailles — Hội Quốc liên. | TRỌNG ĐỨC |
| — Nhật xuất (kịch bốn màn của Tào Ngự — (Tiếp theo) | ĐẶNG THÁI MAI dịch |
| — Một tâm hồn nghệ-sĩ (Tiếp theo) | LÊ ĐÌNH CHÂN dịch |

BAO

THANH - NGHI

TĂNG GIÁ

Các báo hàng ngày đã tăng giá từ 0\$20 lên 0\$30. Các bạn đọc hẳn cũng xét cho vì tình-thế bắt buộc: báo THANH-NGHI cũng phải tăng giá từ 0\$20 lên 1\$20 bắt đầu từ số 108 và vui lòng lượng thứ.

GIÁ BÁO DÀI HẠN :

1 năm	55\$00
6 tháng	30. 00
3 tháng	15. 00
1 tháng	5. 00
Chính-phủ :	gấp đôi

ĐÃ IN XONG

14 SỐ ĐẦU

THANH - NGHI

TÁI BẢN

Giá 16\$00 Cước 1\$00

Vì có sự thay đổi về địa-chỉ, nên chúng tôi chưa gửi tới các bạn đã đặt mua. Muốn cần thận xin các bạn cho biết địa-chỉ lại và nhân tiện gửi cho cả giấy biên-lai. Bạn nào ở Hà - nội xin mang biên-lai lại lấy báo tái bản.

VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA SAU CHIẾN TRANH

DO DU'C DUC

Có những người bênh vực chiến-tranh cho nó chỉ là một biểu-hiện của luật đào-thải tự-nhiên, hay cho nó là một phương-pháp giải-quyết vấn-đề nhân-mãn trên địa cầu...

Không đi sâu quá vào những ngõ ngách của một cuộc tranh-luận thiên về lý-thuyết hay dựa vào những ức-thuyết ta chỉ nhờ sự quan-sát về thực-tại và sự nhận xét qua lịch-sử nhân-loại mà có thể nói rằng chiến-tranh thường chỉ là kết-cấu dĩ-nhiên của thái-độ mù quáng, ngoan cố, phản-động của bọn người cầm quyền thống-trị đứng trước một tình trạng, hay một chính-sách chính-trị, kinh-tế hoặc xã-hội, đến ngày hóa ra bất-hợp-thời, đến ngày phải sụp đổ hoặc cần được cải-tổ.

* * *

Đứng trên lập-trường đó, nếu ta xét đến những nguyên-nhân chủ-yếu của hai cuộc chiến-tranh thế-giới, trận 1914-1918 và trận hiện thời, ta có thể quả quyết rằng cả hai cuộc đại-chiến đó đã có một nguyên-nhân chung, đó chính là chính-sách thuộc-địa.

Thực vậy, cuộc kỹ-nghệ-hóa đột ngột và vĩ-dại của các nước Tây Âu bắt đầu từ thế-kỷ thứ 19 đã đưa đến một chính-sách kinh-tế chi phối cả hoàn-cầu. Chính-sách đó chia một cách độc-đoán các nước trên thế-giới thành hai loại, một loại gồm những nước kỹ-nghệ chuyên việc biến-chế các nguyên-liệu thành những tạo-phẩm để bán ra ngoài, loại thứ hai gồm những nước mới chuyên việc xuất-cảng nguyên-liệu tới những nước trên và tiêu-thụ tạo-phẩm do những nước này xuất-sản. Không bao lâu cái khíp xuất-sản tốc-hành và không giới-hạn bằng máy móc đã khiến cho các nước kỹ-nghệ tư-bản đi tới chỗ cạnh-tranh và chỉ lo việc chinh-phục những nước mới, lấy làm thuộc-địa để ranh riêng cho mình độc-quyền sở-hữu những nguồn nguyên-liệu cũng những thị-trường tiêu-thụ tạo-phẩm ở các nước bị xâm-chiếm. Nhưng chính-sách thực-dân đế-quốc đó kết-cục đã đưa tới một cuộc chiến-tranh tàn khốc xảy ra giữa mấy nước kỹ-nghệ chạm trán nhau trên con đường xâm lược. Trận đại-chiến 1914-1918, với bao nhiêu kết quả tai hại, khủng-khếp của nó, đã nhắc những nước đó rằng chính-sách thuộc-địa không phải là phương-sách giải-quyết ổn thỏa những nỗi khó khăn về kinh-tế do đại kỹ-nghệ sinh ra. Nhưng khôn nổi, sự đắc-thắng của mấy nước có nhiều thuộc-địa như Anh và Pháp đã khiến cho họ không tỉnh ngộ ra được mà lại còn làm tăng thêm lòng tham vọng không

hạn của họ. Bao nhiêu đất đai của những nước bại trận bị họ chia xé để chia tay với nhau (1), nước nào mạnh thế chiếm lấy phần to chỉ để cho những nước « kém về » vài phần « Xương Xẩu ». Thành ra tình-trạng thế-giới sau cuộc chiến-tranh vẫn y nguyên như trước, mà có khi lại tăng thêm phần nghiêm-trọng. Những nước bại trận quật khởi lên một cách mau chóng, những nước bị « lép vế » trong việc chia phần, thêm vào đó vài nước mới kỹ-nghệ-hóa ở một lớp sau, nhìn một cách thêm thường và ghen ghét những đế-quốc đồ sộ của Anh và Pháp. Rồi ngoảnh đi ngoảnh lại, chỉ sau hai mươi năm, lại xảy ra một trận đại-chiến, hiện thời còn đang tàn-sát nhân-loại, mà vẫn chỉ vì một nguyên-nhân : chính - sách thuộc-địa.

Vậy ngày nay, lúc mà chiến-tranh cơ hồ sắp kết-hết, ta thử dựa vào những sự-kiện quốc-tế để xét xem vấn-đề thuộc-địa liệu sẽ được giải-quyết thế nào ở ngày mai.

Trước hết ta vẫn không thể tin được rằng cuộc tàn sát này, cho dù là kinh khủng gần bao nhiêu lần cuộc đại-chiến trước, đã có thể cảnh tỉnh được mấy nước thực-dân cho họ bớt lòng tham lam để nghĩ tới quyền lợi chung của nhân-loại. Chúng ta có thể nói một nước bại trận như nước Pháp hiện thời mà vẫn lớn tiếng đòi lại thuộc-địa của mình không một chút dè dặt. Vừa đây họ lại dám công nhiên mang quân đổ bộ xuống những xứ Syrie và Liban trước kia chỉ là những nước ủy - trị mà Hội Quốc-liên đã giao cho họ và gần đây đã trở nên hoàn toàn độc lập.

Nhưng dầu sao một điều ta đáng chú ý là cuộc đại-chiến này, khác cuộc đại-chiến trước, đã đưa mấy đế-quốc tư-bản lớn nhất tới chỗ phá sản. Đế-quốc Nhật và đế-quốc Hà-lan bị sụp đổ, đế - quốc Anh do

cuộc hành binh của quân đội Nhật - bản bị xén cắt một phần lớn và đang bị lung lay. Trong khi đó chính-sách của những cường-quốc thắng thế như Nga và Mỹ chủ trương không phải là thiết-lập trên thế-giới này những thuộc-địa kiểu Anh và Pháp. Cho dầu phái tư - bản ở Anh hay ở Mỹ mưu vận-động để trở lại chính sách thuộc-địa một phần nào hay dưới một hình thức nào khác thì họ cũng gặp một trở lực rất lớn ở một lực-lượng có cơ làm bá-chủ thế-giới ngày mai đó là lực - lượng vô sản của Liên-bang Xô-viết đang bành trướng khắp nơi. Những tin tức thế giới gần đây nhất là về hội-nghị San Francisco đã chứng tỏ việc đó. Những yêu-sách của ngoại-tướng Molotov, sự phản-đối của Nga trước việc dự định giao trả các thuộc địa cũ trên Thái-bình-dương cho Pháp và Hà-lan, sự từ chức của các đại-biểu Anh tại San Francisco đi theo việc Churchill từ chức thủ-tướng vì bất hòa với đảng lao động, thái độ cương quyết của Staline trước thái độ phản động của Truman hay của Churchill, gần đây việc đã báo hiệu cho ta rằng cán cân thế giới sẽ có thể ngả về phía nào ở ngày mai.

Dù sao ta cũng có thể quả quyết rằng theo lẽ tiến hóa tự nhiên của nhân loại, trước mỗi công-phần chung của toàn thể dân chúng các nước trên hoàn cầu không kể một vài bọn cầm quyền thống-trị rời rạc, chính sách thuộc địa, nguyên nhân của hai cuộc thế giới chiến tranh chỉ cách nhau có hai mươi năm, đã tới ngày tận-vận. Và cho dầu ở ngày mai đây còn có thể một nước nào, bằng một mảnh khốe nào, bám víu vào nó ở một phần nhỏ nào, thì cũng chỉ như một mảnh gỗ mong manh và đã mục nát nổi trên mặt bể bao la mà lặn chìm thứ nhất đưa đến sẽ làm cho tan rã.

ĐỖ ĐỨC DỤC

(1) Xem bài : Những điều trái ngược của hòa - ước Versailles — Thanh Nghị số 107, 109.

NHỮNG RUỘNG BỎ HOANG

PHẠM GIA-KÍNH

Cách đây ba bốn tuần lễ, các báo hàng ngày (1) đã đăng một « thông cáo của phủ thống-sứ » mục-dịch là « cưỡng bách và khuyến khích việc trồng một cây cấy trong toàn hạt » Bắc-kỳ. Trong lúc nạn đói đang hoành-hành, công việc khuyến-trưng việc canh-nông tất nhiên là một công việc khẩn-cấp và cần thiết. Cho nên, theo như lời nhà đương chức trong thông-cáo, ngoài việc tải gạo Nam-kỳ ra để cấp bách giải quyết vấn đề cung cấp thực phẩm cho xứ Bắc, phải cần lo lắng gấp sức sản-xuất ở trong xứ.

Vậy thì cái chương trình phải thi hành đây, là một chương-trình có tính cách ~~lâu~~ lâu dài vì hiệu quả của nó là một hiệu quả phải chờ đợi trong ba tháng, sáu tháng, một năm.

Theo như nhời nhủ trong thông cáo, thì bình như nhà đương cục đề ý đến sự tăng thêm số lợi thu-hoạch về vụ tháng mười năm nay. Nhưng những phương sách đưa ra áp dụng lại tràn ngập cái mục-đích thiên-cận ấy. Vì ngoài việc trồng một số ruộng hoang, đất hoang, công viên, bãi bồi, chân đê, và giữa những luống chè, cà-phê hay sơn, trong các đồn điền, — lại nói cả đến việc lập ấp bằng cách khai khẩn những khu rừng, đồi, v.v. tức là những việc có tính cách lâu dài hơn nữa.

Về việc lập ấp trong các miền rừng rú, chúng tôi sẽ có dịp bàn đến trong một kỳ báo sau. Lần này, chỉ xin bày ra ấy ý kiến về việc khai khẩn những ruộng bỏ hoang, vì vấn đề này có mặt thiết thực tiếp với việc cung cấp thực phẩm cho nhân dân ngay bây giờ.

Những ruộng bị bỏ hoang là những ruộng thực điền vẫn cấy cấy từ xưa đến nay, nhưng vì gần đây, bị nạn đói, những chủ điền nếu không chết rồi thì đã phải bỏ hết cả cơ nghiệp, nhà cửa, đồng ruộng, để đi lang thang trong

rác tỉnh nhỡn, lòng kiếm một bát cơm, hay một bát cháo cứu đói. Mà rồi có lẽ cũng chết dần sau một thời sông dờ chết dờ trên các vệ bờ thành phố. Những ruộng ấy xưa kia đẹp đẽ bao nhiêu, nay chỉ là những ruộng cỏ dại, không ai chăm nom, không ai nhìn nhận. Nay phải tiếp tục sự khai khẩn những ruộng phì nhiêu ấy chờ cho những chủ điền hoặc con cháu họ ế khổ sống qua cơn đói này, lại trở được về quê cha đất tổ. (2)

Việc khai khẩn những đất ấy nêu lên nhiều vấn đề khó khăn, về luật pháp, kinh tế, tài chính, cũng về phần chuyên môn. Cần phải giải quyết những vấn đề ấy thì việc khai khẩn mới có thể thực hiện, và mới tránh khỏi nhiều sự khó khăn có thể xảy ra sau này.

Đối với những công-viên, công-trường, chân đê, bãi bồi, và những đất bỏ phí trong các đồn điền tư-gia, mà thông cáo nói đến, việc khai khẩn không có gì trở ngại. Công viên, công trường thuộc quyền trông nom của hàng tỉnh hàng xã, thì hàng tỉnh hàng xã có thể tự khai khẩn lấy bằng tiền công quỹ và sẵn có những người chuyên môn đề sẵn sóc. Hoặc giả cõ thể cho thuê đi, cũng như nhà nước có thể bỏ thầu cho trưng những chân đê, đất bồi theo như thường

(1) Xem báo Tin mới, ngày thứ sáu 4-5-1945 số 1612.

(2) Theo như một cuộc điều tra gần đây, chúng tôi đã được biết rằng : riêng trong một làng Thượng Cẩm, thuộc về phủ Thái-Ninh tỉnh Nam-Định, năm ngoái có 900 suất đinh thì chỉ đến hôm 20 tháng 5 dương lịch năm nay, chết chỉ còn 400. Nếu tính cả nam phụ lão ấu thì trong làng ngót 4000 người chết đói mất hơn 2000 người. Còn số ruộng trong làng tất cả có 1000 mẫu, hiện bỏ hoang có tới 500 mẫu. Làng Thượng Cẩm có lẽ là một làng bị nạn đói nặng nhất, mà có nhiều ruộng bỏ hoang nhất.

lệ chỉ cần một điều là bắt các người, hoặc các làng thuê trồng cây phải cấy cấy giống giọt mà thôi. Các chỗ đất bỏ hoang trong các đồn điền là của tư gia lại càng dễ lắm.

Trái lại những ruộng bỏ hoang, cần phải có một luật pháp, một tổ chức rành mạch. Vì những người đến cấy cấy đây không phải là những chủ điền; phải định đoạt rõ ràng quyền lợi của họ thế nào, phải tênh vực cho các chủ điền cũ như thế nào, phải trừ tình việc trợ cấp cho những người đến khai khẩn về mọi phương diện như thế nào, và cần nhất phải làm thế nào để những người háng hái muốn đi khai khẩn dễ biết những nơi nào có ruộng hoang mà đến làm. — Chỉ nói một câu rằng: « những ruộng bỏ hoang phải giao cho một người quản lĩnh chịu trách nhiệm » — chưa đủ. Người quản lĩnh ấy là ai, ai giao phó công việc cho người ấy, trách nhiệm người quản lĩnh ấy thế nào? Đó là những điều cần phải biết rõ. Cho nên cần phải có một định lệ, một qui-tắc giản dị chắc chắn và phù hợp với tình thế hiện thời. Định lệ ấy nên như thế nào chúng tôi xin trình bày trong hai đoạn sau này:

Đoạn thứ nhất: Điều tra và thống kê những ruộng bỏ hoang.

Đoạn thứ nhì: Thể lệ phân chia và khai khẩn những ruộng bỏ hoang.

Điều tra và thống kê những ruộng bỏ hoang

Việc này phải là bước đầu trong việc khai khẩn, vì cần báo cho các người muốn khai khẩn biết những nơi nào có ruộng hoang; — và phải là việc của chính phủ vì chỉ có chính phủ mới có thể làm được một cách hoàn bị. Các phần tử trong guồng máy hành chính đều phải huy-động để thực-hành cuộc điều tra và thu-thập những kết-quả của những cuộc điều tra ấy thành một ban thống-kê đầy đủ những khu ruộng bỏ hoang ở khắp mọi nơi, và để trình bày cho công-chúng biết.

Một đạo thông-sức cấp-bách do vị thủ-biến trong xứ sẽ gửi cho các vị tỉnh-trưởng để

chuyên giao cho các phủ hay huyện-trưởng, châu úy và chuyên cho các tên tể và lý-dịch các làng phải kịp, trong một thời hạn rất ngắn, đệ nửa tháng hay một tháng là cùng, lập một tờ khai các số ruộng bỏ hoang trong địa phận mình trông nom.

Muốn tiện cho người tra cứu, những tờ khai ấy phải làm theo một kiểu. Đại khái, phải khai, theo thứ tự, những điều sau này:

1) Sở cứ những số ruộng bỏ hoang, đích ở chỗ nào, đồng tây nam bắc giáp những nơi nào hoặc số ruộng nào. Nếu cánh đồng ấy có một tên riêng, hoặc khu ruộng ấy có một hiệu riêng, hay có số địa-chánh rồi, phải khai cho đủ.

2) Diện tích khu ruộng ấy bao nhiêu (mẫu, sào, thước, tấc).

3) Tên người chủ điền di mất tích. — Nếu biết rằng bỏ làng đi ngày nào nên nói cho rõ.

4) Ruộng ấy thường (nhất) giống gì, giống được mấy mùa.

5) Đất tốt hay xấu, ruộng thuộc về nhất, hay nhì đẳng điền, v. v.

6) Có nhà ở ở trông nom việc khai khẩn không? Nhà ấy bằng gạch, bằng gỗ hay bằng lá, Có mấy gian, có sân gạch hay sân đất, chuồng trâu, chuồng bò, v. v.

7) Nhà ở ấy còn tốt không?

8) Chủ điền có để lại trâu bò, đồ đạc gì không.

Mỗi mục khai như thế đều có quan-hệ. Trước hết, là giúp ích cho nhà đương cục đủ tài-liệu để làm giấy má cho phép khẩn ruộng, sau nữa là để cho người xin khẩn biết rõ chỗ ruộng như thế nào để định liệu công việc làm có lợi hay không có lợi.

Tờ khai phải lập thành bốn bản. Mỗi bản đều do tên-tể, lý-trưởng và trưởng-bạ thị-thực và áp-trị, và đem nộp cả ở phủ huyện hay châu. Vị phủ huyện-trưởng hay châu úy ký nhận vào một bản khai rồi giao bản ấy cho lý-trưởng

(Xem tiếp trang 27)

GIÁ THÓC PHẢI NỘP = CHO NHÀ NƯỚC =

VU DINH HOE

LỜI NÓI ĐẦU. — Chính sách thu thóc của người Pháp tàn nọc đối với dân quê về giá mua họ giả cho nông dân thật là tai hại : như vụ vừa qua tiêu vốn 1 tạ tính ra mất 80đ.00 mà giá bán cho nhà nước chỉ có 25đ. một tạ (xem bài « Nạn dân đói » của Nghiêm Xuân Yêm T.N số 107) trong khi giá ở thị trường lên tới 200đ. Mì số thóc dân quê phải nộp thường là 3/4 số thóc thu hoạch có khi quá cả số thóc gặt được, nghĩa là có khi nông dân phải đóng thêm bằng giá 200đ. để bán cho nhà nước và thu về 25đ ! Thật là một sự chiếm đoạt không những hoa lợi mà cả vốn liếng của dân quê ! Ngay hồi tháng 8 năm 1943, chúng tôi đã lên tiếng về việc này : bằng một giọng cổ giữ bình tĩnh (dĩ nhiên phải như thế !) chúng tôi đem hết chứng cứ, dùng những con số rõ rệt, những tài liệu do chính-phủ công bố, để tỏ rõ rằng nhà nước đã mua thóc của dân bằng một giá lỗ vốn, và như thế thì nông-dân sẽ không thể cày cấy được nữa. Nhưng bài chúng tôi viết đầu đề là « Giá thóc gạo » định đăng vào số 1 tháng 8 năm 1943 đã bị kèm ngay bỏ hết cả, theo ý viên Chánh sở kinh-tế Bắc-kỳ Monvoisin. Chúng tôi thân hành đến hỏi viên này vì sao ? Thì hẳn giả nhời, gợn gàng « Bài của ông không đăng được vì trái với chính sách của chính-phủ » (Votre article ne peut être publié parce qu'il est contraire à la politique du gouvernement !) không còn câu giả nhời nào trắng trợn hơn nữa !

Nay chúng tôi lục đăng bài đó, để độc giả biết cho rằng chúng tôi đã không sao nhãng một vấn đề quan hệ đến đời sống của dân quê. Và lại nó cũng là một tài liệu nên ghi chép, để có lúc dùng đến.

V. H.

Về việc nhà nước mua thóc của dân để lập kho trữ phòng bị, trong một số trước (1) chúng tôi đã ngờ ý tấn thành về nguyên tắc. Nhưng chúng tôi gờ bàn :

(1) T. N. số 39 bài : Vấn-đề gạo và dân quê của Tác-Phong.

1) nếu chỉ bắt các đại điền-chủ phải bán thóc và miễn trừ cho các tiểu điền-chủ.

2) số thóc định mua sẽ chia ra cho các điền-chủ bằng cách lũy-tiến chứ không bằng cách quân phân ;

3) bằng vào những con số chắc chắn lấy ở những cuộc điều tra có đủ bảo-đảm, chúng tôi đã tính rằng chỉ mua thóc của các điền-chủ có từ 3 mẫu rưỡi trở lên cũng có thể đủ số thóc để lập kho trữ (120.000 tấn), như vậy các tiểu điền-chủ có từ 13 mẫu rưỡi giờ sống có thể được miễn trừ, và những đại điền-chủ có trên 13 mẫu rưỡi cũng chỉ phải bán số thóc tính vào số ruộng ngoài số 13 mẫu rưỡi là số thóc được miễn trừ.

4) để các đại điền-chủ, là những người biết bình vực quyền lợi mình, phải ưng thuận bán thóc cho nhà nước, một mặt nhà cầm quyền, nếu cần, nên dùng quyền trưng phát (réquisitionner) mà luật-pháp hiện hành đã công nhận cho chính-phủ để đối phó với tình-thế, một mặt nêu định giá thóc gạo một cách phải chầu ; tất nhiên không thể theo giá thị-trường vì như thế việc lập kho trữ không có nghĩa lý gì, nhưng cũng đừng nên hạ quá.

Trong bài này chúng tôi làm bàn về việc định giá thóc gạo. Việc này rất quan-trọng : nó có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của tổ-chức. Nhất là khi chính sách mua thóc để lập kho trữ thi hành đối với tất cả điền chủ lớn và nhỏ. Nếu, nói ví dụ, giá bán thóc gạo hạ quá không đủ bù vào tiền vốn cày cấy, thì tức khắt đời sống của dân làm ruộng bị thương tổn. Mà ta nên nhớ rằng chín phần mười dân Việt Nam làm nghề nông.

Nghị định ông Thống sứ Bắc Kỳ ngày 21 Mãi 1942 định giá thóc là 14\$50 một tạ và giá gạo là 26\$ một tạ bán tại nơi sản xuất, (giá bán lẻ ở các đô thị có thể tới 31\$). Giá thóc gạo mới do nhà nước định bắt đầu từ năm 1943 còn từ trước, nó vẫn theo luật cung cầu (luật tự nhiên) của thị trường. Năm 1940 giá thóc ở thị trường, lên xuống từ 11\$ đến 13\$ chung bình là 11\$50. Giá gạo hạng nhất trên dãi 19\$ (1).

(1) Annuaire statistique de l'Indochine 1940. —

Cứ kể nhà nước định giá thóc 14\$50 một tạ và giá gạo 26\$00 một tạ năm 1943 là để tính cao hơn hẳn giá thóc gạo cách đây ba năm (năm 1940), tức là đã theo sự tăng giá của mọi thứ hàng hóa. Giá thóc gạo định như thế kể có thể gọi là phải chăng.

Song vì thấy có sự than phiền của dân quê về giá hạ quá làm thiệt thòi cho họ nhiều, nên với một óc vô tư, chúng tôi đã gắng sức điều tra ở nhiều nơi, đem đối chiếu giá một tạ thóc nhà nước đã định với giá tổng cộng tiền phí tổn để sản xuất một tạ thóc. Chúng tôi muốn biết điều kêu ca trên có chính đáng không, và nếu thực dân quê có chỗ thiệt thòi, thì hẳn phải chúng tôi là phải đề đạt những nguyện vọng hợp lý của dân chúng lên chính phủ.

Dưới đây là kết quả của cuộc điều tra nhỏ ấy.

Chúng tôi lấy những con số chung bình trong hai vùng, vùng Văn Lâm (Hưng Yên) mà nhân công và sức sản xuất của ruộng họ hơn nhiều nơi và Hoài Đức (Hà Đông) mà nhân công và sức sản xuất của ruộng cao vào bậc nhất ở Bắc kỳ.

Có ba trường hợp: trường hợp những chủ ruộng, có đất mà mượn người làm, — trường hợp những người mua mà và làm lấy cả công việc, — và trường hợp những tiểu điền chủ, có ruộng và làm lấy được một phần công việc.

a) Trường hợp những điền chủ có ruộng mà mượn người làm

Tiền chi phí về một mẫu ruộng	Ở vùng Văn-lâm	Ở vùng Hoài-đức
— Thóc giống 20 cân mua của túc mễ cục	5\$00	5\$00
— Công khoán cấy bừa (1)	10, 00	14, 00
— Cày : 10 công	8, 00	10, 00
— Gặt, đập : 10 công	8, 00	10, 00
— Vơ cỏ :		
10 công ở V. L.	5, 00	9, 00
15 công ở H. Đ.		
— Phân bón :		
Ốt-phát 1 tạ ở V. L.	5, 67	20, 00
phân lợn H. Đ.		
— Tắt nước 20 công	12, 00	16, 00
— Thuế và sương tảo	3, 00	4, 00
Tổng cộng	51\$87	78\$00

Mỗi mẫu trung bình gặt được :

— ở vùng Văn Lâm (3) 31a50

— ở vùng Hoài Đức 7a50

Vậy tiền chi phí về mỗi tạ thóc là :

— ở vùng Văn Lâm 16\$19

— ở vùng Hoài Đức 10\$40

Đây là không kể những món tiền trừ dần (amortissement) về các khoản mua trâu, bò và khí cụ (cày, bừa...) cùng những tiền chi phí vặt vặt (mua nông, nĩa, cọt, dao, liềm...). Những thứ đó thường dùng vào ba bốn mẫu ruộng, vào nhiều vụ và nhiều công việc trong một năm, nên món tiền tiêu san ra từng mẫu và từng tạ thóc cũng hơi khó tính. Ví dụ một con trâu giá 180\$, có thể dùng để cày 3 mẫu ruộng, 2 vụ một năm và trong 6 năm, một cái cày 8đ, một cái bừa 18đ dùng được như thế trong 2 năm. Như vậy tiền tiêu về mỗi mẫu ruộng về khoản mua trâu và mua cây bừa tính đại khái là : $5\$ + 0\$66 + 1\$50 = 7\16 , và ta phải thêm vào tiền phí tổn để sản xuất mỗi tạ thóc một số tiền là 2\$ nếu là vùng Văn Lâm, 1\$ nếu là vùng Hoài Đức. Nghĩa là tiền chi phí mỗi tạ thóc ở vùng Hoài Đức và những vùng tương tự chắc không thể dưới 12\$00 ; ở vùng Văn Lâm và những miền tương tự không thể dưới 17\$50.

Xem như thế thì, ở những vùng ruộng xấu mỗi tạ thóc bán, lỗ mất 3\$ và những vùng ruộng tốt thì mỗi tạ thóc bán được lãi 2\$50.

b) — Trường hợp người mua mà và làm lấy cả công việc

Những người mua mà là những người làm nghề nông chuyên môn nhưng không có ruộng. Họ thuê ruộng của điền chủ (hoặc giả bằng tiền, hoặc nộp thóc) và làm lấy hết công việc. Trâu bò của họ, hoặc của chủ ruộng cấp cho, khi đó tiền thuê ruộng sẽ cao hơn. Tiền chi phí lớn nhất, rút lại ngoài tiền mua mà chỉ có tiền phân do

Tiền chi phí về một mẫu ruộng	Văn Lâm (ba tạ rưỡi)	Hoài Đức (7 tạ rưỡi)
— Thóc giống	5\$00	5\$00
— Phân bón	5, 67	20, 00
— Tiền trừ dần về trâu bò, cây bừa	7, 16	7, 16
— Mưa mà	50, 00	85, 00
Tổng cộng	67\$83	117\$16

(1) (2) Theo tin tức của Túc-mễ-Cục công bố, về tháng Sáu 1943, thì công khoán cấy bừa một mẫu ruộng là : từ 10 đến 15\$00 và công làm nương mạ : 20\$00 một mẫu (préparation des pépinières).

(3) Theo cuộc điều tra của sở khuyến-nông thì mỗi mẫu cấy ở vùng này sản xuất được 7. tạ thóc, tức là 3 tạ một mẫu ta (một mẫu cấy bằng 2 mẫu 7 tạ).

Vậy tiền chi phí về một tạ thóc là:

- ở vùng Văn Lâm 49\$38
- ở vùng Hoài Đức 1\$62

Cả hai nơi, người mua mầu đều bị lỗ. Nếu người mua mầu lại phải mượn người, — đó là hạng người tương đồn đồn ruộng, — thì số tiền lỗ lại cao hơn nhiều lắm vì tiền chi phí lên tới $56đ67 + 50đ = 106đ67$ hoặc $78đ + 85đ = 163đ$ một mẫu, nghĩa là 30đ và 20đ một tạ thóc (1).

c) — Trường hợp bọn tiểu điền chủ làm lấy một phần công việc

Một số đông dân quê, có một vài mẫu ruộng, chồng cấy vợ cấy, vào ngày mùa mượn thêm một vài người làm công tháng hoặc đông nhật. Tính trung-bình là người nhà làm được nửa phần công việc.

Tiền chi phí về một mẫu ruộng	Văn lâm (3 tạ 50)	Hoài đức (7 tạ 50)
— Thóc giống	5\$60	5\$60
— Mượn người làm: 27 công ở V.L.		
30 công ở H. Đ.	21, 60	30, 00
— Phân bón	5, 67	20, 00
— Thuế và sương tước.	3, 00	4, 00
— Chi tiếp về trâu và cấy hừa	7, 16	7, 16
Tổng cộng:	42\$13	55\$16

Vậy tiền chi phí về một tạ thóc là:

- ở vùng Văn Lâm 42\$00
- ở vùng Hoài Đức 7.36đ

Mỗi tạ thóc được lãi ở vùng trên 2\$50, ở vùng dưới 7\$00.

*

Sau khi đã xét tình cảnh dân quê trong ba trường hợp kể trên chúng ta nhận thấy với giá thóc 14\$50 một tạ, thực tình những người mua mầu ở vùng nào cũng đều bị lỗ, những chủ ruộng ở các vùng đất xấu bị lỗ, những chủ ruộng ở các vùng đất tốt được một số lãi không đáng kể: 2\$50 một tạ tức là 18\$75 một mẫu. Số tiền ấy không đủ cho một xuất gạo ăn trong năm tháng (một người ăn trung bình trong một tháng 15 cân gạo, tức là 4đ, giá gạo 26đ một tạ ở nơi sản xuất).

Chỉ còn bọn tiểu điền chủ lấy công làm lãi là khi bán thóc xong còn thừa một số tiền. Nhưng số tiền

ấy cũng không đáng kể ở những vùng ruộng xấu (một tạ thóc bán được thừa 2đ50; một mẫu được thừa 8đ77 một xuất gạo ăn trong hai tháng). Rút lại chỉ còn những người có một vài mẫu ruộng, vợ chồng con cái làm lấy một nửa phần công việc, ở những vùng ruộng tốt, là khi bán thóc xong còn thừa một số tiền khá: họ ta thóc bán được thừa 7đ, nghĩa là một mẫu được thừa 5đ 50.

Tuy nhiên số tiền 52đ.50 cũng không đủ để ăn gạo cho một gia đình ba người (phải, ba người mỗi làm nổi một mẫu ruộng) trong một vụ sản xuất. Nói chi đến tiền may mặc, sưu thuế, giỗ tết, thuốc thang. .

*

Đem đối chiếu giá thóc 14\$50 một tạ với thực sự nghĩa là so sánh giá kỳ với tất cả chi phí tồn trong việc sản xuất một tạ thóc, ta phải công nhận rằng giá ấy, tuy nhà nước đã đánh cao hơn trước nhiều, nhưng vẫn chưa thể đủ bù vào tiền vốn của người chủ ruộng bỏ ra để khai khẩn và tiền công của người cấy cấy lấy. Nghĩa là với giá ấy, nhà nông bị lỗ vốn hoặc nhiều hoặc ít. Nay ta so sánh giá thóc và giá các vật liệu, công xá năm nay (1943) với ba năm về trước để xem giá thóc có được tăng cùng một nhịp với giá các vật liệu, công xá không? Trong số T. N. « Đặc biệt về Kinh tế » ra tháng Décembre 1941, trong bài « Một cuộc điều tra nhỏ về số chi thu một gia đình làm ruộng », (2) có biên những giá vật liệu và công xá về việc làm ruộng trong năm 1940. Dưới đây tôi so sánh những giá ấy trong năm 1940 với năm nay (1943).

Các động lực sản xuất	giá 1940	giá 1943	Tăng lên
— Thóc giống, một cân	4\$07 từ 0,28	0\$25 từ 0,80	3 lần 1/2
— Giá nhân công	đến 0,33	đến 1,00	3 lần
— Phân bón cốt phát, mỗi tạ	2,50	5,67	2 lần
— Thuế 1 mẫu	2,16	3,00	40 %
— Trâu một con (3)	60,00	200,00	hơn 3 lần
— Cây, một cái	3,60	40,00	3 lần
— Bừa, một cái	6,00	18,00	3 lần

(1) Một câu hỏi quạn, hệ gì việc bán thóc cho nhà nước là do chủ ruộng hay người mua mầu (hoặc người trong ruộng) phải chịu? Hiện nay là người có thóc phải bán nghĩa là người thuê ruộng. Thiết tưởng như thế họ phải chịu phần thiệt đối với chủ ruộng.

(2) Tác giả: Lê Huy Văn

Món tiền chi tiêu lớn nhất là món gạo công xã (43\$ trong tổng số chi tiêu 56\$ ở vùng Văn Lâm hoặc 59\$ trong tổng số 78\$ ở vùng Hải Đức), mà giá nhân công từ năm 1940 đến năm nay đã tăng gấp ba. (2)

Giá thóc đã tăng lên bao nhiêu? Năm 1940: giá chung bình là 11đ50 một tạ năm nay nhà nước định giá là 14\$50 tức là tăng lên 26 phần trăm. Nhưng xem bảng trên, giá các vật liệu và các công xã tăng lên tới 300 phần trăm. Như vậy giá thóc trong một thị trường tự do theo luật tự nhiên của sự cung cầu, tất phải tăng lên gấp ba, nghĩa là giá thóc chung bình 35\$ một tạ và giá gạo 57\$ một tạ.

Theo tin tức của Tác-nê-cục về tháng sáu 1943

Li giá thóc gạo trong thị-trường như sau:

Thị-trường	Thóc	Gạo
Vĩnh-yên	25\$00	47\$00
Lim (Bắc-ninh)	28, 40	36, 80
Nam-dinh	33, 50	50, 00
Thái-binh	25, 50	42, 00
Hà-dông	35, 60	53, 00
vân vân.		

Trong những tình thế đặc biệt như ngày nay lẽ tất nhiên chính phủ phải can thiệp vào thị trường để giữ các hàng hóa ở một mức phải chăng. Tuy nhiên, việc định giá cũng phải dựa vào thực tế. Nghĩa là giá hàng phải ăn nhập với tiền phí tổn sản xuất. Như vậy thì giá thóc thiết tưởng phải ít nhất cũng được đánh gấp hai lần giá năm 1940 nói không bị chênh lệch giá với sự tăng giá của các món phí tổn sản xuất.

(3) Theo tin của Tác-nê-cục, giá trâu ở Vĩnh-yên: từ 160\$ đến 220\$, ở Hưng-yên từ 180 đến 460\$, ở Nam-dinh từ 250 đến 306\$, v.v...

(2) Năm 1940, công thợ cấy, thợ gặt là: từ 0đ.20 đến 0đ.25 với ba bữa cơm, từ 0đ.23 đến 0đ.33 không cơm.

Năm 1943, theo tin tức ở Tác-mê-cục, công thợ tháng Sáu 1943 thì giá nhân công như sau: từ 0đ.50 đến 1đ. với ba bữa cơm, từ 0đ.70 đến 1đ.50 không cơm; công đàn bà từ 0đ.30 đến 0đ.60 với cơm, từ 0đ.60 đến 1đ.20 không cơm. Những thợ chuyên môn: 1đ.50 đến 2đ. không cơm.

Theo nghị-định của ông Thống sứ thì lương tối thiểu của công nhân ở miền trung-châu định là:

— năm 1940: từ 0đ.20 đến 0đ.25

* — năm 1943: từ 0đ.54 đến 0đ.64

Sau hết ta thử đem đối chiếu giá thóc 14\$50 với thời giá của mọi hàng khác. Điều này thiết tưởng không cần phải biện luận nhiều lắm. Ta cứ lấy bất cứ một thứ hàng gì mà so sánh giá năm nay (1943) với giá cách đây ba năm 1940 là ta thấy giá hàng đó bây giờ phải gấp hai hay ba, ngày, trước có khi gấp 4, gấp 5. Đó là kể những giá do nhà nước ấn định chứ không phải là giá « chợ đen ». Đại khái:

Hàng hóa	giá 1940	giá 1943
Sợi, 1 kiện	600\$00	2200\$00
Dầu lạc, 1 tạ	40, 00	143, 52
Vải tây, 1 thước	0, 70	2, 00
Thịt bò, 1 cân	0, 65	2, 80
Xà phòng, 1 cân	0, 32	1, 05
Nước mắm (hạng vừa)		
1 chĩnh	3, 00	8, 00
Diêm, 1 bao	0, 015	0, 04
Rau muống, 3 mớ	0, 01	0, 06
Đôi đất	0, 05	0, 20
nón	0, 20	0, 40
áo tơi	0, 30	0, 70
tre, 1 cây	0, 15	1, 00
v.v...		

Nếu ta lấy giá của các thứ hàng cần thiết cho đời sống mà tính giá sinh hoạt trong năm 1940 và năm 1943 thì ta thấy những con số tương đối sau đây:

Nếu giá sinh hoạt năm 1940 là 100, thì giá sinh hoạt trong năm 1943 là:

— 219 cho hạng dân trung lưu.

— 323 cho hạng bình dân.

Nghĩa là giá sinh hoạt năm 1943 gấp hai lần hay 3 lần giá sinh hoạt năm 1940.

Như vậy mà nhà nước định giá thóc là 14\$50 một tạ và giá gạo là 26\$00 một tạ (mua ở nơi sản xuất) so với giá chung bình 11\$50 một tạ thóc và 19\$00 một tạ gạo năm 1940 thì sau khi xét thời giá của mọi hàng khác, chúng tôi thấy giá 14\$50 và 26\$60 hạ quá và không ăn nhập với giá sinh hoạt hiện thời.

Chắc có người nói rằng gạo là một món ăn cần bản của dân ta, vậy cứ đánh hạ giá thóc gạo là tức khắc giá sinh-hoạt phải hạ xuống; các vật

(Xem tiếp trang 23)

NGUYÊN TẮC PHÂN QUYỀN HÀNH CHÍNH VÀ TƯ PHÁP

BÙI TUÔNG GIỀU

Ở trong một nước độc-lập-chủ quyền gồm có ba quyền chính: quyền lập pháp, quyền hành-chính và quyền tư-pháp. Mà ở các nước tân tiến dù là nước dân chủ hay quân-chủ cũng vậy, sự tổ-chức các quyền chính đều do ở một đạo luật-hiến và cũng theo một nguyên-tắc « phân-quyền ». Vì mục-dịch phân-quyền là để cho quyền nọ kiểm soát quyền kia, lấy kế đó để ngăn ngừa những sự lạm quyền, các mầm mống của cuộc trị an.

Nội trong ba quyền-chính, quyền lập-pháp là của Nghị-viện thì bao giờ cũng được biệt-lập. Trừ ở dưới chế-độ độc-đoán mà cả ba chính-quyền ở cả trong tay quốc-trưởng thì không kể còn ở trong một nước theo chính-thể lập-hiến, thì dù quân-chủ hay dân-chủ cũng vậy, cơ-quan lập-pháp không bao giờ hỗn hợp với các cơ-quan hành-chính và tư-pháp.

Sự lẫn-lộn chỉ thường xảy ra ở giữa cơ-quan hành-chính và tư-pháp, vì hai cơ-quan này có một chỗ giống nhau: là cùng có nhiệm-vụ thi hành các pháp-luật đã ban hành ở trong nước. Khác nhau chỉ ở chỗ cơ-quan hành-chính thì hành-pháp-luật bằng cách ban bố những đạo luật mà nghị-viện đã chuẩn-y cho dân chúng biết mà theo; còn cơ-quan tư-pháp thì chỉ can-thiệp trong trường-hợp mà ở dân chúng có người đã không tuân theo pháp-luật. Nói tóm lại thì quyền hạn của cơ-quan tư-pháp chỉ ở trong khu vực kiện-tụng.

Và lại quyền hành-chính ở các nước tân-tiến thường là một cơ-quan chính-trị, do đại đa số ở Nghị-viện phát-triển ra. Nói đến Nghị-viện, tất là nói đến đảng-phái. Đã đảng-phái tất là khó có sự công-bằng, mà sự công-bằng lại là điều-kiện cần nhất của cơ-quan giữ quyền công-lý.

Vì nhiệm-vụ khác nhau ở một chỗ cốt yếu như thế, nên hai cơ-quan hành-chính và tư-pháp phải biệt-lập; vì nếu hỗn hợp, quyền hành-chính và quyền tư-pháp ở trong tay một cơ-quan thì dễ xảy ra những sự lạm quyền tổn hại đến quyền lợi dân chúng. Sự biệt-lập, sự phân quyền-chính và tư-pháp là bảo đảm quyền tự do và quyền lợi của cá-nhân.

Nay ta hãy xét xem trong nước ta, sự tổ-chức nền tư-pháp có theo nguyên-tắc phân quyền không? Và do

đó ta sẽ nhận thấy những chỗ khuyết điểm mà ta cần phải vạch ra mới mong kiến-thiết được một nền tư-pháp tương-lai toàn mỹ.

Trong thời Pháp-thuộc, nước ta chia ra ba xứ, nền nền tư-pháp ở mỗi xứ một khác.

Ở Nam-kỳ, vì bị coi là nhượng-địa tức là một địa-giới Pháp nên cách tổ-chức tòa án theo hẳn Pháp-quốc pháp-viện biên-chế. Ở Saigon có một tòa Thượng-Thẩm và một tòa án sơ-cấp nhất-hạng; còn ở các tỉnh, tùy theo tiêu-không hay nhỏ, có một tòa án sơ-cấp đệ nhị hay tam-hạng hoặc một tòa án vi-cảnh có quyền rộng (tribunal de paix à compétence étendue). Các tòa án này hoàn toàn là tòa án pháp; các quan thẩm-phán cũng đều là người Pháp cả; trừ một số ít quan thẩm-phán người Nam có nhập Pháp tịch mà khi tuyên-bố cũng phải có đủ điều kiện như các thẩm-phán Pháp. Xét kỹ càng cách tổ-chức và quyền hạn các tòa án pháp ở Nam-kỳ. Không phải là mục-dịch của bài này; song ta có thể nói ngay rằng là các tòa án miền nam, vì đã được tổ-chức theo pháp-quốc pháp-viện biên-chế nên đã theo hẳn nguyên-tắc phân quyền hành-chính và tư-pháp. Cơ-quan tư-pháp trong Nam được hoàn-toàn biệt-lập đối với cơ-quan hành-chính, mà không xảy ra trường-hợp bị quyền hành-chính sự-lấn.

Vì nhờ vậy nên cách tổ-chức tòa án miền nam có thể kiện-mẫu, trừ một vài sự thay đổi về tiêu-tiết, cho công-sạch, kiên-thiết nền tư-pháp Việt-Nam sau này.

Đây là về miền Nam. Còn ở Trung và Bắc-kỳ thì quyền hành-chính và quyền tư-pháp hay còn lẫn-lộn; nguyên-tắc phân-quyền cốt yếu của nền chính-trị đương như đã bị bỏ quên, nên đã xảy ra nhiều vụ lạm quyền song nếu muốn biết rõ nguồn gốc của cái hại này, ta hãy xét qua cách tổ-chức tư-pháp ở Trung và Bắc-kỳ.

Trừ ra Tòa Thượng-Thẩm và Tòa án Sơ-Cấp là-nội là tòa án pháp, tổ-chức theo Pháp-quốc pháp-viện biên-chế thì không kể còn ngoài ra các tòa tham án ở Trung cũng giống như ở Bắc, cách tổ-chức giống nhau. Ở một phủ hay huyện trong Trung-kỳ cũng như ở

một phủ-huyện ngoài Bắc, có một tòa án đệ nhất cấp, mà những các quan tòa lại chính là ông phủ hay ông huyện. Tức là quyền hành-chính và tư-pháp ở trong một phủ, huyện là ở cả trong tay ông phủ hay ông huyện. Đây ở những phủ huyện to ngoài Bắc — mà số đó cũng Lã còn ít — và từ khi đặt ra ngành quan tư pháp thì chức thẩm-phán tòa án đệ nhất cấp là một ông tri phủ hay tri huyện tư pháp, riêng biệt đối với ông phủ hay ông huyện hành chính.

Ở tỉnh-lý, dù trong Trung-kỳ hay Bắc-kỳ cũng vậy, có một tòa án đệ-nhị cấp. Song sự tổ-chức tòa án này thì Trung kỳ có khác Bắc-kỳ một ít.

Ở Trung-kỳ, chức chánh thẩm-phán tòa án tỉnh là quan thủ hiến (Tổng-lúc Phủ doãn hoặc Tuần-vũ) còn quan Bi-Chánh, Án-sát hay Phủ thừa giữ chức bồi-thẩm. Còn ở Bắc-kỳ thì Chánh-án thực thụ là ông Công-sứ người Pháp; quan Án-sát người Nam chỉ có chức Chánh-án dự-khuyết, ngồi sử trong khi ông chánh án thực thụ đi vắng hoặc có việc gì cần trở. Nhưng sự thực thì thường thường ông chánh án dự khuyết người nam ngồi sử, nhưng chỉ là người sử thay và dưới quyền kiểm sát viên công sứ, là một viên chức hành chính.

Xem như vậy thì cách tổ-chức tòa án tỉnh ở Trung-kỳ có hơi khác ở Bắc-kỳ, nhưng giống nhau lại là ở chỗ cũng có một điều khuyết điểm căn bản: không phân quyền hành-chính và tư-pháp mà để chức chánh án tòa án tỉnh, vào tay một viên chức hành-chính, quan thủ-hiến người Nam ở Trung-kỳ, viên công sứ người Pháp ở Bắc-kỳ.

Vì cách xếp đặt hỗn độn như thế nên (dù chưa có những điều hại về phương diện chính trị mà các nước tân tiến muốn ngăn ngừa trong khi nên lên nguyên-tắc phân quyền mà nước ta chưa bị gặp là vì ở thời Pháp-thuộc chủ quyền đã vào tay ngoại-quốc) đã xảy ra nhiều điều tệ, có đặc điểm của riêng ra loại ta, vì đã do các phong tục đời bại của mình mà phát triển ra.

Ái cũng biết rằng ở chốn thôn quê, dân ta rất chuộng danh vọng — Trừ những hạng cùng đinh không đủ bát ăn thì thôi chứ những người đã có chút tư bản thì tất là muốn « chạy » có một chân chánh, phó-tổng, chánh phó lý hoặc một chức vụ gì khác ở trong làng. Vì còn môn « sau này được phàm hàm, ra đình » ăn trên ngồi dưới — Cho nên việc tuyển cử các chức địa phương là một môi lợi to của bọn quan tham tại những

Vì các chức địa phương này quý giá nên càng hay tranh nhau: tranh như tranh tài, sự kiện này, để hàng người tại chức bị cách bất thì mình xin

ứng cử thay chân. Cho nên những vụ kiện chánh (phí tổng hoặc chánh phó lý giam người trái-phép, ăn nặc dân đinh, biển thủ công quỹ, vãn vãn... đây các tòa án tỉnh mà phiên tòa thượng-thẩm thì không phiên nào là không có mười việc.

Lẽ tất nhiên là trong những vụ kiện ấy cũng có khi nguyên đơn thành thực, quả có bị thiệt thòi, áp chế; nhưng cũng có khi là kiện vu không, cốt chỉ mong làm hại bị cáo nhân.

Như vậy thì dù một người lý-trưởng bị có đơn-kiện biển thủ tiền công quỹ hay ăn-nặc dân-dinh mà tình-thực là bona nguyên-dơn đã kiện man, vu oan cho lý-trưởng. Vào trường-hợp này nhiệm vụ thẩm phán quan ở phủ huyện là mở cuộc điều tra lấy cung nguyên bị cùng chứng tá rồi bẩm lên tòa án tỉnh. Nếu ông thẩm-phán là một viên chức liêm chính và có lương tâm nhà nghề sẽ xét ra sự thực rồi bẩm xin định cứu. Nhưng nếu chẳng may gặp người tham nhũng mà chính viên thẩm phán lại có quyền hành-chính ở trong hạt thì tất nhiên sẽ nảy ra sự lạm quyền. Khi đó tri-phủ hay tri-huyện kiêm thẩm phán vì lòng tư lợi sẽ buộc tội cho bị cáo nhân dù là oan oan. Mà trong khi quyền tư-pháp và quyền hành-chính ở trong tay công việc làm rất dễ dàng vì buộc tội oan cho lý-trưởng tất tên này sẽ bị tòa trưng trị; khi người lý-trưởng đã bị có án thì sẽ bị cách dịch, tức là có một cuộc tuyển cử nghĩa là lại có một môi lợi cho quan « phụ mẫu ». Mà trong những trường hợp khép tội oan ấy, quan tòa án tỉnh hầu có chính trực ra nữa cũng khó lòng mà tìm được sự thực, vì hồ-sơ thủ-tập đã buộc chặt-chẽ và chứng cứ đã lấy đầy đủ — dù là chứng cứ man — từ ở phủ huyện, huống hồ là các thẩm phán quan ở tỉnh cũng còn có nhiều người có tư-cách đáng chê.

Nói trái lại, nếu đơn kiện lý-trưởng là đơn tố cáo những sự nhũng lạm có thực thì cũng lại là một môi lợi cho quan tham tại những nếu người lý-trưởng bị cáo có tư bản và biết « xoay ». Vì dù tội đã hiển nhiên nhưng nếu được quan « phụ mẫu » che chở thì đen cũng hóa trắng rồi bị cáo nhân vẫn cứ được tại chức mà hoành hành, có chăng chỉ lủ dần đen bị áp-chế không biết kêu oan vào đâu. Khi mà tổng lý để đều là môn-hạ đặc dụng của quan « phụ mẫu » thì chung quanh dân chúng trong hạt dường như có hàng rào sắt vây kín, dù có bị áp chế hành hạ cũng không dám thế nào lọt được đến tai quan trên.

Những sự nhũng lạm như thế nên viên thẩm phán ở phủ, huyện là một cơ-quan riêng biệt đối với bên hành chính thì cũng đỡ nhiều.

(Xem tiếp trang 19)

MỘT TÂM HỒN NGHỆ SĨ

(NGUYỄN VĂN CUA SOMERSET VAUGHAN)

LÊ ĐÌNH CHÂN dịch

(Tiếp theo)

— Trong các nhà họa sĩ hiện đại, tôi tin rằng không ai có tài như bạn... Tôi nói thật với ông đấy. Nay tôi bảo ông, ông đã lỡ mất dịp làm giàu. Rồi một ngày kia một bức tranh nhỏ của Strickland sẽ giá trị gấp mười tất cả cái cửa hàng của ông, ông nhớ lại Monet, có ai thêm bỏ ra 100 quan mua tranh của bạn đâu? Ấy thế mà bây giờ!

— Thật vậy. Nhưng thời Monet có hàng trăm họa sĩ chẳng kém gì bạn... mà chẳng ai bán được gì cả... bây giờ những tranh đó cũng chẳng quý hóa gì hơn. Biết sao được! Cứ giỏi mà nổi tiếng được hay sao? Cái đó không chắc. Và lại ông đã chắc bạn ông giỏi hay sao? Cái đó còn phải xem đã, ông Stroeve ạ. Ngoài ông ra, chẳng ai công nhận là bạn có giá trị gì.

— Ông cho thế mới là mới là giỏi?

Stroeve bối, mặt đỏ gay.

— Nổi tiếng! Chỉ có nổi tiếng mới là giỏi.

— Đồ mù! Dirk nói to.

— Ông hãy nghĩ đến các nhà danh họa ngày xưa. Michel Ange, Ingres...

Họ đều nổi tiếng cả.

— Ta đi đi, Stroeve nói với tôi, còn ở đây thì tôi sẽ bóp chết tiêng chủ hàng này mất.

XXII

Tôi thường gặp Strickland luôn, và thỉnh thoảng cũng hẳn đánh vài ván cờ... Tính nết bất thường của bạn vẫn làm cho tôi phải lạ. Lúc bạn ngồi im, trầm ngâm nghĩ ngợi như không thêm để ý đến ai — nhưng khi nào vui vẻ thì trái lại hẳn sẵn lòng nói chuyện một câu chuyện nhát gừng, kể lể, dẫu không xuôi như lệ thường. Câu chuyện cũng chẳng có gì là thông minh bóng bẩy lắm, nhưng cái giọng lười chẳng chọn và sởn của bạn không phải là không thú vị — và bao

giờ bạn cũng nói thái độ nghĩ của mình. Không thêm để ý đến lòng tự ái của người khác, hẳn vui xương khi làm cho người ta đau. Lúc hôm không sao chịu nổi để rồi Stroeve dận dỗi đi thẳng, thế sẽ không bao giờ để ý đến Strickland nữa. Nhưng Strickland có cái ma lực lôi kéo Stroeve thành ra anh chàng Hòa lan to bệc này mấy hôm sau lại tỏ mặt ra như một con chó cụp đuôi, tuy trong bụng chắc rằng thế nào cũng bị Strickland sở cho một trận nữa.

Mà tôi cũng không hiểu sao Strickland lại mặc tôi đi lại. Chúng tôi quen thuộc nhau kể cũng hơi lạ. Một hôm hẳn tôi vay tôi 50 quan,

— Tôi không muốn cho ông vay, tôi nói.

— Sao lại không?

— Không thích cho vay chứ sao?

— Tôi tưởng làm ông có biết không?

— Kệ.

— Nếu tôi chết đói.

— Thì làm sao?

Hắn vừa kéo râu vừa lườm lườm nhìn tôi. Tôi mỉm cười.

— Sao ông lại cười? Hẳn, quát to, mặt bừng bừng.

— Ông là một người đàn di lắm, ông không còn biết đến đến phận là gì. Cho nên đối với ông không còn ai phải giúp đỡ nữa.

— Không tiện, người ta đuổi tôi đi, tôi sẽ thất cổ chết, ông có hối không?

— Cái đó là việc của ông.

Hắn cười gằn:

— Ông đùa đấy chứ. Nếu tôi chết thì ông sẽ hối suốt đời.

— Ông cứ thử xem. Tôi giả nhời.

Nụ cười nở ở mắt, hẳn im lặng dờ dạc chờ đợi nhìn.

— Đánh ván cờ ! tôi nói.

— Nếu ông muốn.

Càng tôi lấy bản cờ bày quân. Hắn gặt gù nhìn quân đã bày xong. Người ta vui sướng khi thấy quân mình dần dần sắp sửa chiến đấu.

— Ông tưởng rằng tôi định cho ông vay tiền thật hay sao ? tôi hỏi.

— Tôi không hiểu sao ông lại không ?

— Ông làm cho tôi ngạc nhiên.

— Tại sao ?

— Tôi cứ tưởng là ông không đến nỗi *đa cảm đa sầu* như cái thế kia đây. Giả ông đang gọi lòng thương người của tôi thì tôi còn thích ông hơn.

— Nếu ông tỏ ra cảm động thì tôi sẽ khinh ông.

— Thế tại hay lắm ! tôi phá lên cười. Chúng tôi bắt đầu chơi. Hai người đều mãi miết với ván cờ. Đánh xong tôi hỏi Strickland :

— Nay, nếu ông túng, ông (lơ tôi xem) tranh. Nếu có bức nào vừa ý tôi sẽ mua.

— Cút ! hắn giả nhời, và đứng dậy sắp đi ra. Tôi kéo ấn lại.

— Nay còn rước mặt, ông không giả tiền hay sao ?

Vừa rửa tội, hắn vắt tiền lên bàn và đi ra. Một hôm sau tôi lại gặp hắn. Một buổi chiều, ngồi ở tiệm café đang xem báo, tôi thấy hắn đi vào và lại ngồi cạnh tôi.

— Kia, ông chưa thất cỡ à, tôi nói.

— Không tôi có việc làm. Tôi đang nhận truyền thần một anh thợ lặn (1) ông chỉ nói thôi việc họ trả cho tôi 200 quan (4).

— Sao ông lại kiếm được việc ấy ?

— Căn nhà bính cạnh nhà giới thiệu cho tôi, tôi phải cho nó 20 quan hoa hồng.

— Anh thợ lặn của ông ra sao ?

— Đẹp lắm, mặt đỏ như một cái đùi cừu và ở má bên phải một cái nốt ruồi rất to lốm lốm những long.

Strickland hôm ấy vui vẻ lắm. Khi Stroeve đến hắn tâm công luôn với nội dung khôi hài độc địa:

Tôi ngạc nhiên về cách hắn khéo chọn những câu làm cho Stroeve đau nhất.

Không những Strickland dùng mũi tên của khôi hài, hắn còn vui vẻ dùng những câu sỗ siêng nặng như búa bổ. — Cách tấn công chớp nhoáng của Strickland làm cho Stroeve không còn thì giờ chống cự. Về lung tung đau đớn của Stroeve làm cho tôi nhớ đến một con cừu sợ hãi đang tìm chỗ trốn. Stroeve vừa ngạc nhiên, vừa luống cuống. Sau rồi, nước mắt ràn rụa chảy lên má hắn. Dù có ghét Strickland, ghét vẻ độc địa của hắn đến đâu người ta cũng không sao nhịn nổi cười. Stroeve thuộc về hạng người xấu số, dù trong trường hợp nào lý do nào cũng chỉ thêm làm trò cười cho người ta. Nhưng đủ sao.

Khi nghĩ lại đến hồi tôi ở Ba-Lê nửa đông năm ấy, Stroeve là người bạn thân nhất, đáng quý nhất của tôi. Căn nhà nhỏ bé của hắn thật là đáng yêu. Hình ảnh cánh đời của một đôi vợ chồng yêu mến nhau thật là êm dịu... Tình yêu ngây thơ của Stroeve đầy một vẻ đẹp chất phác và yên lặng. Tuy Dirck lúc nào cũng « khỉ » nhưng tình yêu thành-thực của hắn làm cho người ta phải cảm động. Nếu tôi không nhầm thì Blanche cũng âu yếm chồng lắm. Nếu Blanche có một bộ óc khôi-hài (humour) biết chế riễu mình thì nàng sẽ tức cười thấy chồng ngây thơ để mình lên trên bề mặt thờ phụng như thế... Nhưng dù có buồn cười hơn nữa, nàng không thể vì thế mà không cảm động và xung sướng. — Dirck là một người tình nhân không bao giờ thay đổi: dù vợ có già đi, chẳng nữa, mất hết những đường cong đẹp của một thân hình gần hoàn toàn thì đối với hắn bộ mặt đượ-dàng ấy vẫn như xưa. Đối với hắn, vợ vẫn là người đàn bà sinh nhất trần gian. Cảnh đời êm-dịu và thú-tự của hai vợ chồng thật là đẹp. Căn nhà nhỏ chỉ vẻn vẹn có ba gian một buồng làm xưởng vẽ, một buồng ngủ và một gian nhà nhỏ làm bếp. Trong khi chồng vẽ thì Blanche

(1) Bức truyền thần này trước kia ở trong tay một nhà phú thương thành Lille, khi nghe thấy quân Đức sắp đến họ liền đem chạy trốn. Hiện nay bức họa này ở Bảo tàng viện xứ Thụy-diễn. Người Thụy-diễn rất quen với thủ đoạn đục nước béo cò.

đi chợ, làm con, quét dọn cửa nhà, cả ngày lúc nào cũng lặn lội, không bao giờ nghỉ tay, thợ chẳng khác một con kiến chán chường. Chiều đến thì nài gẫm tìm kim khâu vá ngồi cạnh chồng đang say mê với một bản đàn mà nàng không được hiểu lần. Dính dính piano khá lắm... và hẳn thường nhớ âm nhạc để biểu diễn tâm hồn ngây thơ và quá sức đa cảm của mình.

Thật là một cuộc đời thơ mộng... cao-thượng và đẹp. Cứ chỉ tức cười của Stroeve làm cho cuộc đời đó thêm một phong vị lạ... như là một âm điệu trái-ngược nhưng không phải là vô-vị. Vì thế cho nên cảnh đời của hai vợ chồng có vẻ nhân-loại và thường-tình hơn. Và cũng khác thường.

Cũng như một câu khôi hài chẳng chọn và ý vị giữa một cảnh bi thiết làm nổi bật vẻ lâm lý của cảnh đó.

XXIII

Mấy hôm trước ngày lễ Phục-sinh (Noël) Stroeve mời tôi lại ăn tết với hắn. Ngày lễ làm cho tâm hồn đa cảm của hắn ngất ngoi đến bạn hữu quen thuộc hẳn muốn nới đủ mặt đến ăn tết trong một cảnh bãi trí hợp lệ thường đã hai ba tuần lễ nay chúng tôi không gặp Strickland. Về phần tôi thì các bạn đến chơi Ba-lê làm cho tôi không còn thì giờ nghĩ đến hắn: còn Stroeve thì sau khi cãi nhau kịch liệt với Strickland đã thề không bao giờ thêm nói chuyện với hắn nữa.

Nhưng ngày lễ Phục-sinh sắp đến làm cho Stroeve không sao dằn được nữa. Nghĩ đến Strickland bơ vơ ăn tết một mình làm cho hắn cảm động vô cùng. Hắn tưởng Strickland cũng đa cảm như mình, và không sao từ chối ý nghĩ đề cho Strickland thuê thuê một mình trong những ngày tết mà ai ai cũng vui vẻ gặp nhau — Stroeve đã giữ một cây Noêl rất to để xuống về. Tôi chắc chắn hẳn sẽ có một bữa gỏi cho trẻ con trên những cành cây tung lừng với nến. Nhưng hắn sợ gặp mặt Strickland — Sẵn lòng là đã một cách nhanh chóng phụ sự kiện có gì là hạnh phúc cho lắm... Cho nên hắn muốn tôi có mặt để chúng có cuộc làm lành.

Chúng tôi đưa nhau lại Đại-lộ Clichy. Nhưng Strickland không có mặt trong tiệm cà-phê. Ngoài hiệu lạnh quá cho nên chúng tôi đưa nhau vào trong, ngồi lên trên những ghế gỗ đệm da. Không khí nóng và nặng nề khi tôi uống lá Strickland không thấy thoải mái đến, nhưng chẳng bao lâu người bạn sĩ Pháp thường đánh cờ với hắn bước vào. Tôi lại quen cho nên mời người Pháp lại cùng ngồi. Stroeve hỏi thăm tin tức Strickland:

— Hắn ta ế, người Pháp nói. Ông chưa biết à?

— Có nặng không?

— Hình như nặng thì phải.

Stroeve tái hẳn mặt lại.

— Sao hắn lại không cho tôi biết? Sao tôi lại ngu ngốc đến nỗi dạn nhau với hắn. Ta phải lại thăm hắn ngay mới được. Có nhớ hắn không có một ai trông nom săn sóc cho. Hắn ở đâu?

— Tôi cũng không biết, người Pháp nói.

Cả ba chúng tôi chẳng ai biết địa chỉ hắn. Stroeve càng tỏ ra vẻ thất vọng.

— Trời ơi! Hắn có tae chết được, mà không ai biết đến! Thật là đáng sợ... Chúng ta phải đi tìm ngay mới được.

Tôi cố giảng cho Stroeve biết là lang-thang đi tìm ở Ba-lê (lễ lễ mất thì giờ. Cần nhất là phải ấn định một chương trình rõ ràng đây).

— Phải! Nhưng trong khi ấy Strickland có thể đang ngạc nhiên... nếu chúng ta đến chậm quá thì có nhẽ không làm gì được nữa.

— Anh cứ ngồi yên đây cho tôi nghĩ đã nào, tôi sáng nghĩ.

Tôi chỉ biết có một địa chỉ là khách-sạn người Bỉ. Nhưng Strickland không ở đấy đã lâu. Và người ta không chắc còn nhớ đến hắn. Với cái tính là lừng lự mặt của hắn, có lẽ hắn không cho ai biết mình ở đâu. Và lại hẳn dạn đi ít ra cũng độ vài năm nay rồi.

Nhưng tôi chắc chắn là hắn cũng ở quanh quần thể này. Nếu hắn vẫn đi lại một tiệm cà-phê đã gần 5 nay thì chắc tìm dễ lắm và liệu cho hắn. Tôi bỗng chợt nhớ đến con mụ hàng bánh

đã giới thiệu cho bạn về truyền thần... và tôi cho rằng con mụ đó có thể cho tôi biết địa chỉ của bạn. Tôi vội vàng mở sổ thương-mại tìm địa chỉ những hiệu bán bánh. Tất cả có hiệu gần đây— và điều làm trước nhất là phải đi hỏi thăm tất cả 5 hiệu. Stroeve bắt đầu đi đi lẻo đẻo theo lời ý bạn phải đi đi lại lại hết tất cả các phố đưa đến công viên Clichy. Và đến nhà nọ cũng hỏi thăm Strickland. Nhưng tôi đã nghĩ rằng, vì đi đến hiệu bán bánh thứ hai thì người mụ bán hàng gạt đầu có biết Strickland. Mụ ta không biết rõ bạn ở đâu nhưng chắc chắn là bạn ở 1 tòa nhà trong dãy nhà trước cửa hiệu của mụ. Chúng tôi cũng may vừa chót hỏi một người canh cửa gần đấy thì bạn bảo rằng Strickland ở trên tầng gác thượng.

— Hình như ông ta ốm! Stroeve hỏi.

— Có lẽ, người canh cửa thân thiện giả nhời. Mà thế thật, đã mấy hôm nay tôi không thấy ông ta đi lại.

Stroeve trồm lên gác trước tôi, khi theo đến nơi tôi thấy bạn đang hỏi thăm 1 người thợ — Người này chỉ một buồng gần đấy và nói ông ta vô thì phải đã một tuần lễ nay không thấy ông ta đi lại. — Stroeve bước lại cửa buồng Strickland và quay lại lưỡng lự nhìn tôi. Bạn dun dun nói:

— Nếu bạn chết rồi!

— Không lo, tôi nói.

Tôi đập mạnh vào cửa. Không có tiếng giả nhời. Cửa không khóa tôi đẩy mạnh bước vào. Buồng tối như đêm.

— Strickland, tôi gọi to.

Không ai giả nhời. Thật là bí-mật. Sau tôi Stroeve dun lầy lầy. Nhìn trở mắt tôi mới thoáng thấy hình một cái giường, trong một số, ngay dưới mái nhà. Biết đâu trên giường đó chỉ còn, một xác chết?

— Đồ ngốc! không có một cái diêm hay sao? Tiếng nói của Strickland trong bóng tối đưa ra làm cho tôi đặt mình đánh thót một cái.

— Trời ơi! tôi cứ tưởng là anh chết! Stroeve kêu to.

Tôi đánh diêm tìm một cây nến. Ngọn lửa bùng lên, tôi thoáng nhìn thấy một phòng nhỏ, nửa buồng ngủ, nửa buồng vẽ; 1 cái giường máy

tấm vải treo trên tường một cái giá vẽ, một cái bàn và một chiếc ghế cũ, không có tấm, không có lò sưởi.

Trên bàn lỏng chồng những hộp sơn, vài màu nền. Tôi cầm nền thắp Strickland nằm một trên chiếc giường ngắn và bé đối với thân hình bạn.

Muốn cho đỡ rét có bao nhiêu quần áo bạn đã đắp cả lên mình. Nhìn qua đủ biết bạn đang đun như cây sấy với một dòng nói khản đặc lại vì cảm động. Stroeve bước lại gần giường.

— Trời ơi! Anh làm sao đây. Tôi có biết đâu là anh ốm thế này! Sao anh không cho tôi biết. Anh cũng biết rằng tôi sẽ không bao giờ bỏ anh.

— Hay là anh dặn tôi?

Tôi có biết đâu, lỗi tại tại tôi — Dặn đối như thế thực là vô lý quá.

— Im cái mồm! Strickland nói.

— Anh không nên vô lý như thế. Anh ở đó; đắp lại cho chăn cho anh. Không có ai săn sóc anh hay sao?

Stroeve lắc đầu nhìn căn phòng ghé tởm.

Bạn cố xếp lại giường. Strickland khò khè thở, cau mặt nhìn. Bạn dựa con mắt thù bạn giận giận nhìn tôi. Tôi bình tĩnh nhìn lại.

— Nếu các anh có ý giúp tôi thì đi mua cho tôi một chai sữa.... một lúc sau bạn nói. Hai ngày hôm nay tôi không lê đi đâu được.

Bên cạnh giường có một chai sữa không và mấy màu bánh đã thiu.

— Thế anh đã ăn uống gì chưa?

— Chẳng có gì mà ăn cả.

— Xuốt hai hôm mà không có gì ăn uống hay sao? thật là đáng sợ. — Stroeve nói.

— Có nước lã, Strickland nói, mắt nhìn một hồ nước lã để ở gần tầm tay.

— Đề tôi đi ngay. Anh còn cần gì nữa không? Tôi bảo bạn nên đem lại thêm một cái bàn thứ nhìu vài quả nho và một ít bánh. Vui xướng Stroeve lập cộp chạy xuống cầu thang.

(Còn nữa)

LÊ ĐÌNH CHÂN dịch

NHẬT XUẤT

===== (KỊCH BỐN MÀN) =====

Nguyên văn của TÀO NGU

DẶNG THAI MAI dịch

(Tiếp theo)

Đạt.— Nhưng Lộ tưởng là bao nhiêu tiền Lộ kiếm ra đó là danh giá lắm hẳn.

Lộ.— Này anh Đạt, anh trước-sau vẫn là một thằng thư si đáng thương ! Anh nghĩ rằng chỉ có bao nhiêu tiền của của những người danh giá làm ra mới là danh giá hẳn ! Ở đây cũng có một vài người danh giá, anh cứ nhìn mà xem, đủ mọi thứ : chủ ngân hàng có, nhà doanh nghiệp có, quan nhớn quan bé có. Nếu như anh cho rằng nghề nghiệp bọn họ là danh giá, thì những món tiền tôi làm ra có lẽ lại còn danh giá bằng trăm bằng nghìn thế nữa kia.

Đạt.— Không hiểu ý Lộ muốn nói gì gì ; có lẽ cái quan niệm danh dự của người này, cùng người kia cũng...

Lộ.— Phải rồi có lẽ cái quan niệm danh dự của tôi cùng của anh cũng có khác nhau thiệt. Tôi không làm hại ai, tôi không cướp bóc ai, tôi cũng thích tiền như tất cả mọi người, tôi cũng tìm cách làm tiền, nhưng tôi làm ra tiền vì tôi đã hy sinh những điều rất quý báu của một người đàn bà. Tôi chưa hề tìm mưu kế lừa bịp ai, tôi chưa hề kiếm cung cách này nọ ăn cướp ai. Đời sống của tôi được thế này là vì nhiều người đã vui lòng giúp đỡ, cũng là chính vì tôi đã chịu hi sinh mình đi. Đối với đàn ông, tôi đã chịu đựng hết cái nghĩa vụ rất tội nghiệp của người đàn bà thì tôi cũng phải được hưởng mọi quyền lợi mà bọn đàn bà đáng được hưởng chứ !

Đạt.— (Nhìn cặp mắt lóng lánh của Lộ) Chết ! dễ sợ, dễ sợ quá đi mất !... Sao mà ngày nay trong lòng Lộ không còn một tí gì là lương tâm,

một tí gì là hèn si nữa như vậy ? Lẽ nào Lộ lại không biết rằng khi người ta đã mê mẩn với đồng tiền thì những sự đáng quý nhất của đời người như là mối ái tình cũng sẽ biến mất, chẳng khác gì một con chim bay qua cửa sổ vậy.

Lộ.— (Chua chát) Ái tình ? (thờ một hơi thuốc thiệt dài) Ái tình là cái gì gì. (Lấy tay quạt làn khói thuốc cho tan hẳn đi) Anh trở con quá đi mất ? Em chả nói chuyện nữa.

Đạt.— Này Trúc Quân này, tôi xem chừng hai năm nay đời sống của Trúc Quân đã làm cho Trúc Quân chết hẳn mất nửa đời người rồi. Nhưng bây giờ đến đây nhìn thấy Trúc Quân như vậy, tôi thiết không nở lòng cứ đứng mà nhìn. Tôi nhất định phải cảm hóa Trúc Quân cho được, tôi phải....

Lộ.— (Cười sảng sặc). Thế nào kia, anh định cảm hóa tôi kia.

Đạt.— Lộ lại cười, thôi thôi thôi vậy, tôi cũng không thích cãi cọ cùng Lộ làm gì nữa. Tôi biết rằng Lộ cho tôi là một người gàn dở : đi bao nhiêu đường đất, tôi đây tìm Lộ để nói cùng Lộ bao nhiêu là câu chuyện gàn dở nữa. Mặc dầu tôi sẽ chịu tiếng gàn mà yêu cầu cùng Lộ một lần nữa, tôi muốn nói câu chuyện này với Lộ một lần cuối cùng nữa tôi mong rằng Lộ sẽ nhận lời chịu kết hôn cùng tôi thì tôi xin Lộ nghĩ cho cẩn thận đi rồi trong hai mươi bốn giờ đồng hồ, Lộ sẽ cho tôi một câu giả lợi cho vừa lòng...

Lộ.— (Gõ làm ra vẻ sợ hãi) Trong hai mươi bốn giờ đồng hồ ? Anh dọa tôi đấy chứ ? Nhưng nếu như hết cái hạn đó thì thế nào ? Anh sợ bị mệnh lệnh tổng động viên đè ép tôi phải lấy anh cho được không ?

Đạt.— Cái ấy... Cái ấy thì...

Lộ.— Thế nào kia ?

Đạt.— Nếu như Lộ nhất định không nhận lời thì...

Lộ.— Thì thế nào mới được chứ ?

Đạt.— Thì... thì có lẽ tôi đến phải tự tử.

Lộ.— Thế kia à ? (vỗ không bằng lòng) Sao mà anh cũng họ được như người khác vậy ?

Đạt.— Không ! Không ! Tôi chẳng tự tử, Lộ yên tâm : tôi sẽ không bao giờ tự tử vì thất tình với một người đàn bà. Nhưng tôi sẽ đi, sẽ đi thật xa.

Lộ.— (Đặt điều nước xuống) Ừ, thà nói thế thì nó cũng còn ra vẻ người lo lắng. Này nhé, này bé ngu ngốc : của tôi, thế thì hay : bé không cần phải chờ những hai mươi bốn tiếng đồng hồ làm gì !

Đạt.— (đứng dậy) Thế nào ?

Lộ.— (Cười mỉm) Nghĩa là tôi giả lời ngay cho anh chứ thế nào nữa.

Đạt.— (vỗ ngực) Giả lời ngay ?... Kìa khoan hãy. Lòng tôi bây giờ lại chùng xuống hẳn lên. Lộ hãy khoan nói, chờ cho quả tim tôi bớt bình tĩnh lại tí đã.

Lộ.— Thế đề tôi rót cho anh một chén trà mát mát một tí, cho quả tim anh bớt bình tĩnh lại đã nhé.

Đạt.— Không, bất tất

Lộ.— Hay là anh hút cùng tôi một điếu thuốc ?

Đạt.— Lần này là lần thứ ba tôi rủ cùng Lộ là tôi không biết hút thuốc (lừa dối trước bụng) Thôi được rồi, Lộ đi đi vậy.

Lộ.— Lòng anh đã bình tĩnh chưa chưa ?

Đạt.— (Run cả tiếng) Rồi rồi

Lộ.— Này vậy thì (lừa lấy cái nĩa trao cho Đạt) Anh cứ thế đi về đi về đi

Đạt.— Thế nào ?

Lộ.— Dầu thế nào tôi cũng sẽ không lấy anh mà.

Đạt.— Sao lại thế ?

Lộ.— Không sao hề. Anh đen ngốc ! Những câu chuyện như vậy ai biết đâu được vì sao. Thế mà anh không hiểu à.

Đạt.— Thế thì Lộ không thương hai tôi một tí nào ư ?

Lộ.— Bảo là thế cũng được. (Đạt định cầm tay Lộ, nhưng Lộ đã vội chạy nhanh về phía trước).

Đạt.— Lộ làm gì thế hở Lộ ?

Lộ.— Không gì sất, tôi định ăn chuối.

Đạt.— Anh đừng làm gì chứ ?

Lộ.— Đề... nếu như anh tự tử thì tôi cũng có người làm chứng.

Đạt.— (Ngồi xuống nơi chiếc Sofa, nhìn Lộ buồn bã). Câu chuyện Lộ vừa nói cùng tôi là thiệt tình thế đấy hở Lộ ? Không có một tí gì là khách khí ả ư ?

Lộ.— A hờ đây tôi ngay tay còn khách khí với ai làm gì ?

Đạt.— (dừng dậy) Trú Quán à ? (cầm mũ)

Lộ.— Anh định làm gì ?

Đạt.— Tuổi, chúng mình sẽ tạm vậy.

Lộ.— Ừ thì biệt (Cầm tay Đạt về thương xót) Nhưng thôi có lẽ chúng mình nên cùng nhau vĩnh biệt vậy.

Đạt.— (Mà nói) Ừ, vĩnh biệt vậy.

Lộ.— (Nhìn Đạt đi ra đến chỗ cửa) Tạiệt anh anh định đi đây ?

Đạt.— Phải.

Lộ.— Thế còn vé tàu, quên rồi à ?

Đạt.— A (Giờ rồi).

Lộ.— Tay cầm vé tàu) Anh nhất định đi về sao ?

Đạt.— Ừ Trú Quán à (quay đầu lau nước mắt).

Lộ.— (Giơ tay níu lấy vai Trú Quán và lắc) Thế nào hở ? Bé ngốc, con mặt lại tóe con đom đóm rồi ? Xấu hổ, con gái lại còn gái như thế ! Nước mắt là công việc đàn bà chứ. Này tuổi, ngoan đi nào, bé tội nghiệp của Lộ, tức vì tôi mà khóc đấy à ? Tội nghiệp chưa ! Này, đề tôi lau hộ nước mắt nhé. Kìa cái mặt, ngần ấy tuổi mà còn như thế ! Nín đi, nín đi xem nào. (Đạt cng sụt sùi) Này anh Đạt này, đừng nói thất tình cho mà nghe. Đừng trẻ con nào : Anh nghĩ xem, anh định đi nhưng có đi được không đã.

Đạt.— Thế nào?

Lộ.— Vẻ tàu anh còn đây chứ gì?

Đạt.— Ừ, thế thì sao?

Lộ.— Xem đây này: đây này nhé! (Xé vé tàu) Thế nào? Đây này nữa này! (Xé vé tàu làm bốn mảnh) Thế nào? Bây giờ em cắt bỏ anh mấy cái vé này vào trong này nhé: (Vứt mấy mảnh vé vào trong ống nhỏ) Thế nào, được chưa?

Đạt.— Sao, sao Trúc Quân lại...

Lộ.— Anh chưa hiểu ư?

Đạt.— Thế nào? Thế có phải Trúc Quân nhận lời tôi không?

Lộ.— Không, đừng hiểu lầm nào: tôi không nhận lời. Vừa rồi tôi xé vé tàu đấy chứ có phải xé tờ khế bán mình đâu. Anh không biết ư, tôi là một con dòi đã đem thân bán đến chốn này từ những bao giờ rồi.

Đạt.— Thế thì sao lại không để cho tôi đi?

Lộ.— Anh tưởng rằng trên đời này chỉ có một mình anh là đa tình thôi ư? Tôi không lấy được anh, thì anh tưởng là tôi ghét anh ư? Anh bằng ở lại đây vài hôm cùng nhau nói những tình tự ngày xưa không được sao? Anh ngốc! Không lấy nhau thì làm ken cùng nhau cũng không được hay sao. Bây giờ cùng nhau kể lể bao nhiêu thì từ ngày xưa, anh không ngờ rằng chúng ta cũng vẫn có thể vẫn vui sướng khăng khít cùng nhau dãi dãi từ. Vừa bước chân vào cửa là anh đã nghĩ đến tôi một cách ngờ ngợ, anh bảo tôi cái này lờ mờ, cái kia lờ mờ. Anh ngồi nói chuyện, là anh mắng ngay vào mặt tôi in tưởng rồi tôi không tài nào vui mất được. Rồi anh bất định bảo tôi phải lấy anh ngay, và phải giả nhời anh trong 24 tiếng đồng hồ, à! lại còn phải lập tức đi về cùng anh nữa kia! Anh tính một người đàn bà, dẫu thế nào, thì cũng chưa đến nỗi về rùng rợn khổ hơn là một con dòi kia mà!

Đạt.— Tôi xưa nay vẫn thế đấy: tôi không biết bực bực ái tình của tôi thế nào cho gọn. Trúc Quân muốn tôi quý xứng, nói đường nói mặt cho ngọt ngào, nhưng tôi thì chịu thôi.

(Lớn tiếng)

Nguyên tắc phân quyền hành chính và tư-pháp

(Tiếp theo trang 17)

Còn đến tòa án tỉnh sử lẫn lộn quyền hành chính và quyền tư-pháp cũng đã làm xảy ra nhiều điều bất công đáng tiếc. Viên công-sứ có quyền nhận sự lấy việc nào cũng được, và nếu khôn khéo thì sẽ dùng cách « ném đá giấu tay » gọi viên chánh án người Nam sang, chỉ từng việc và từng tội nhân bắt sử tội nào đã dính trước sẵn sàng. Thường có viên công-sứ đã vô-ý mà cảm hối chỉ phê ngay vào tờ bìa của quan dự tểm tội nhân này từng này năm tù, tội nhân kia từng y y tháng tù, rồi quên không xóa những nhời phê bằng bút chì ấy đi, để cả hồ-sơ lên thượng thẩm đến nỗi các quan tòa thượng thẩm người Pháp cũng phải công-phẫn mà tha bổng cho các tội nhân. Rút lại quan chánh án người Nam chỉ còn là một tay sai của quyền hành chính chứ không còn phải là một thẩm phán độc lập xử theo lương tâm. Những việc kỳ lạ này thường xảy ra trong các vụ sử chính-trị-phạm.

Một điều nguy cho dân chúng nữa là cơ-quan hành chính có quyền cho đi đọa thêm trong hạt lấy tin tức ở giữa dân gian, những cách sinh động này các quan tòa không có phép dùng đến vì quan tòa chỉ cần vào hồ-sơ và chứng tá hiện nhiều mà sử chủ không đến. Vì đến những tin tức đã nghe được ở bên ngoài, cho nên khi mà một cơ-quan hành-chính lại có cả quyền tư-pháp thì sự tự do của dân chúng càng còn có gì bảo đảm nữa. Ta đã có thấy vị tỉnh trưởng báo cho sở Liêm-phóng biết rằng trong hạt có đảng kín liên lạc cuộc trị an. Sở Liêm-phóng mở cuộc điều-tra rồi giả nhời vị tỉnh trưởng ấy rằng tin đó là sai có trong hạt không có đảng-hội nào cả. Lỗi còn pháp-thuật mà sở Liêm-phóng đã nói rằng khi có lý-khẩn thì ta có thể tin chắc rằng thực là không. Vậy mà vị tỉnh trưởng kia không chịu thôi, dùng những cách hành-hạ-cộng thể báo ta không rõ nhưng sau đó xảy ra một vụ một số đồng người can tội làm rối cuộc trị an, hồ-sơ từ-lập đầy đủ, chứng tá mọc lên như nấm đến nỗi các bị cáo bị bắt đều lý-lờ-à từ chối cách rất nặng. Kể đến khi xét xong án lên tòa thượng thẩm mới khám phá ra được là một chuyện không đâu chỉ là một cách của vị tỉnh trưởng kia muốn tăng công nên tòa thượng thẩm miễn nghị cho tất cả các người bị cáo.

Trước những sự nguy hiểm cho đời sinh sống của nhân dân, việc kiến thiết cần thiết cho nước nhà ngày nay là cải tạo nền tư-pháp về theo nguyên tắc phân quyền hành-chính và tư-pháp. Tổ chức như thế nào trong một vài năm sau sẽ bàn đến.

BÙI TUÔNG CHIỀU

Gia thóc phôi nỏp cho nhà nước

(Tiếp theo trong 10)

liên cùng nhân công cũng phải sụt giá hết; lúc đó, nhà nông sẽ không sợ lỗ lã. Xin g ả n l ời:

1) giá thóc có sự ảnh hưởng tốt ấy cũng phải một thời kỳ khá lâu thì mức thăng bằng mới hồi phục được giữa giá gạo và giá sinh hoạt. Trong khi đó, thì đời sống nông dân (tức là 9 phần 10 dân chúng) chật vật biết bao.

2) Nhưng thực ra mức thăng, lắng ấy chỉ có lẽ hồi phục được ở trong một tình thế thường mà tất cả các giá đều có những liên lạc đương nhiên, chứ trong hoàn cảnh bất thường này mức sự liên lạc giữa các giá nhiều khi đứt quãng thì không ai dám chắc ở hiện lực của những luật tự-nhiên về kinh-tế, (ví dụ đối với các hàng khan qu ả, như vải, th ời, thì giá gạo có hạ cũng không có ảnh hưởng gì).

3) Để đời sống không bị đắt đỏ quá, người ta có thể giữ vững các giá ở một mức nào (stabiliser les prix) tuy thỉnh thoảng cũng phải sửa đổi lại. Nhưng giữ vững giá không phải là đánh sụt xuống. Phương pháp sau rất mạnh, nên càng vì thế có thể gây sự nguy hiểm cho người sản xuất các th hàng bị đánh sụt giá, nếu giá n ời định không đủ bù vào tiền chi phí xuất sản như trong trường hợp những nhà nông bấy giờ.

Vậy chúng tôi mong chính phủ nên xét lại việc định giá thóc gạo và nếu từ đây điều nguyên vọng của dân là chính đáng, thì nên tăng giá thóc gạo vào vụ mùa này, thí dụ giá thóc thì định vào khoảng từ 18\$00 đến 20\$00, giá gạo từ 40\$00 đến 45\$00 (gần gấp đôi giá năm 1940)

Chúng tôi không dám cá quyết, rằng cách tính toán của chúng tôi là thiết thực vì những phương tiện điều tra mà chúng tôi đã được dùng rất là nhỏ hẹp. Chủ ý của chúng tôi là chỉ mong các n ả làm quyền thừa rõ tình cảnh của dân qu ả và xét lại một việc có quan hệ đến sự sinh sống của dân nông nhân là một giai cấp xã hội chiếm 9 phần 10 dân số Đông Dương.

Chúng tôi tin rằng một chính phủ tiến bộ cũng sẵn lòng đến đời sống dân chúng thì một khi đã xét

rằng nguyên vọng trên là chính đáng, tất nhiên không ngần ngại mà thay đổi những điều tiết thực hành của một chính sách hợp lý. « Không có một phương pháp gì là hoàn toàn, và cần phải sự thí nghiệm làm nảy những điều thay đổi hợp với thực tế thì phương pháp đó mới có những kết quả hay » Chính ông Monvoisin Chánh phòng Kinh tế Bắc kỳ, nếu tôi không nhớ nhầm đã nói với chúng tôi như thế trong một buổi nói chuyện. Mà thực ra, từ khi nhà nước thi hành việc mua thóc của dân, ta đã thấy những điều thay đổi, đại để như việc cho phép hàng sáo mang gạo đi bán, cho phép trang gạo để ăn dưới 50 cân từ qu ả ra tỉnh hay cho phép những người đóng môn bài buôn gạo 100\$00 cũng có thể đi thu gạo của dân bán để việc thu gạo được chóng vánh. Những điều thay đổi ấy làm cho, ta tin được ở cái ý tốt của chính phủ, và việc tăng giá thóc gạo cũng sẽ chỉ là một sự thay đổi rất tự nhiên, khi chính phủ đã xét là hợp lý.

VŨ ĐÌNH HÒE

MỤC VIÊN

PACIFIQUE

KHÔNG HAI NAU — KHÔNG CẠN

BÁN Ở KHẮP CÁC HIỆU SÁCH LỚN

mua buôn hỏi

Ô. ĐỖ VĂN THIỆU

Boite postale N° 11 7, Rue Luce, — Vinh

XIN LƯU Ý

Sang đầu tháng giêng, bản giấy đã đem lại, số nhà 7 phố Luce. Vậy từ nay thơ và điện văn, xin sẽ gửi về địa chỉ mới cho

Thực dân đế truyền - bá văn - minh ?

ĐINH GIA-TRÌNH

(Tiếp theo)

II

Man trá và nhảm lẫn về Đông-Dương

O' nước Pháp có đa số dân chúng và những nhà chính trị chẳng hiểu tí gì về những thực trạng ở Đông-Dương cả. Câu miệt thị hài hước của người Đức: « Người Pháp là một ông ăn bánh trắng và không biết một chữ địa dư » nhiều khi không sai ngoa. Họ không hiểu ở Á Đông có những dân tộc văn minh và sống ra sao. Tuồng trọng hẹp lời của họ chỉ có thể khiến họ thấy là mề rằg ở các thuộc địa hoặc xứ bảo hộ của họ ở Á Châu có những dân bán khai na ná như ở những thuộc địa khác của họ ở Nam Mỹ hoặc Tây Phi. Bởi vậy họ đặc ý với thuyết thực dân đế truyền bá văn minh. Họ ngây thơ tin rằng đi thực dân là để làm một sứ mệnh tinh thần. Giáo sư Gaëtan Piron, một nhà kinh tế học có tiếng ở Pháp, khi qua Đông-Dương hồi tháng năm 1933, có nói với các sinh viên Việt Nam trường Luật rằng: « Trước khi tôi xuống tàu sang Đông-Dương, thân nhân tôi tỏ ý lo ngại cho tôi vô cùng. Họ bảo phải cẩn thận, ở Đông-Dương có giống ruồi đốt người gây bệnh ngủ; và dân bản xứ thường ai cũng có dao cắt cổ giắt trong mình.... Tôi tưởng tượng Đông-Dương là một xứ ác độc, và khác biệt nước Pháp xa lắm. Nhưng tới đây, tiếp xúc với người và cảnh, nhất là với thành miên, tôi mới thấy thân nhân tôi lầm ! ». Lời thú nhận ấy cho ta biết nhiều. Chẳng những thân nhân ông Piron nhầm, chính ông Piron, một giáo sư ở trường Đại học Paris, cũng nhầm, cùng với nhiều đông bào ông nữa. Họ vẫn tưởng tượng

rằng Đông-Dương là một nơi mà dưới bóng rừng hoang vu đầy nguy hiểm một dân tộc bán khai không có văn hóa, hàng ngày hoạt động trong bốn đòn. Đó là rồi đến những kẻ vi đốt, nát mà nhảm lẫn về Đông-Dương. Nhưng lại có những người vốn biết sự thực về Đông-Dương, nhưng họ chỉ tâm huyền hoặc những phần tử tiến bộ sẵn lòng nhân ái trong nước họ, để được tự do thi hành những thủ đoạn thực dân tàn ác. Phải một cô Andrée Viollis đã sang tận đất này nghe và trông, mới mang được chút ít sự thực đau đớn ném vào bầu không khí tư tưởng ngông cuồng và giả trá bao học kinh thành trắng lẹ của một nước vẫn tự hào xưa nay là tổ quốc của những ý nghĩ (ý nghĩ thôi !) tự do và bác ái !

Sự man trá có tổ chức để đánh lừa dư luận quốc tế và chính dư luận một phần dân chúng ở Pháp nhằm hai mục đích : để cho mọi người tin rằng những dân tộc ở Đông-Dương đều bán khai, cần đến sự khai hóa của người Pháp ; để cho mọi người tưởng rằng công cuộc khai hóa của Pháp ở xứ này rất lớn lao.

Để khiến nhiều người tin rằng dân tộc Đông-Dương còn ở trình độ mán di, người Pháp đã đặt được những kết quả khả quan. Những người Pháp ở Đông-Dương không đại gì mà ca tụng trí thông minh của người Việt Nam và quảng cáo cho người Việt Nam giữa đám đồng bào họ. Trong những tờ tường trình về tình hình Đông-Dương của những người Pháp cai trị xứ này gửi về nước họ ; không bao giờ có đã động đến dân trí và những nguyện vọng của dân bản xứ. Cứ đều đều cách nhau ít lâu các chính khách Pháp ở đây lại chuyển về « mẫu quốc » những

lời to lòng trung thành tưởng tượng của dân Đông-Dương, rồi ông ta lại nhận được lời cảm ơn ở bên Pháp giả lời, mà chúng ta cứ được nghe xướng họa như thế mãi. Sự thực, trong những cuộc vận động cách mệnh Việt Nam bị họ chế ngự hết cả, và họ gắng công làm cho dư luận ở Âu-Châu và ở Pháp tin rằng đó chỉ là những cuộc quấy rối trị an của một vài tên « bất hảo », còn dân chúng thì rất yên phận và ưa hòa bình (Xem bài: « Người Pháp đã hiểu những cuộc cách mệnh Việt Nam như thế nào » của Đ. Trọng Đức trong Thanh Nghị số 108).

Thêm vào đó một thứ văn chương man rợ và những nhận xét quái gở rải rác trong các thiên khảo cứu (1) của học giả Pháp. Jean Marquet đã khiến nhiều độc giả tưởng rằng tất cả dân bà Việt Nam đều « ăn đàn chấy » Christiane Fournier đã có dã tâm tả « người đàn ông da vàng » trong « Homme jaune et femme blanche » như « một con người đã mai danh ghê tởm. Đó là mới chỉ kể có một vài thí dụ. Có thể nói rằng bọn tiểu thuyết gia kia, hoặc ngu dốt, hoặc có ác ý đã huyền hoặc tưởng tượng của chúng. Nhưng có cả những nhà học giả nữa cũng nuam lẫn ngay vào, bởi họ chỉ ở thuồng kin mà lại nói chuyện phương trời kia. Charles Richet bảo rằng dân bà truỵ lạc được xã hội Á-Đông tôn sùng ! Những nhà xã hội học trong đó có Levy Brühl đã có khu hiệu nhưng dân tộc Đông Dương vào hạng ngang dân tộc sơ khai có tâm trạng cổ lỗ cùng với một hai nhà triết học nữa, ông Cavillan đã xiết câu sau này trong bộ Tâm lý học văn minh ở lớp từ tài năng trưởng thành học Pháp Việt ở Đông Dương: « Những văn thư tối cổ không hề nhắc đến những màu lam và lục, và người ta quả quyết rằng người An-Nam chỉ trông rõ có những màu trắng, đen, vàng, và đỏ thôi » (Les textes très anciens (Védas, Avesta, Ancien Testament, Homère) ne font pas mention des couleurs vert et bleu, et l'on affirme que les Annamites ne perçoivent distinctement que le blanc, le noir, le jaune et rouge. (Cuvillier-

Manuel de philosophie I — A. Colin 1931, p. 179) Câu này là trích ở trong đoạn tác giả giảng dẫn rằng phứtig địa tộc sơ khai không nhận rõ được đủ các màu ! Sau hết các sách địa dư phổ những tranh ảnh rất dễ lừa dối : những máo, ruộng trần chường ở bên cạnh nhà sàn của chúng, giống hệt những mọi đống, được người ta chụp chú ý hơn các giống khác để nêu làm thí dụ những dân tộc ở Đông Dương. Người thôn quê Việt-Nam được chụp dưới ánh nắng hè gay gắt, đã đen sạm vì vất vả lại đen thêm vì nước ảnh. Cô hàng cháo cời trần ở đầu chợ với chiếc yếm màu nhạt nổi bật lên trên màu da bánh mật, với bộ mặt ngu dân ngờ ngác, được coi là mẫu người dân bà bán xứ Bắc Kỳ !

*

Khi muốn vẽ bộ mặt của Đông Dương mà Đông Dương phải chịu trách nhiệm thì những cảnh, những thực trạng, những người nào xấu xa nhất, đốn uế và nghèo nàn nhất đều được phỏ ra, để cho người ngoại quốc chưa qua Đông Dương và chưa sống thân cận với người Việt Nam, có một ý niệm sai lạc về trình độ văn minh của dân ta, suy ở một vài cảnh vật và sự trang lệ ngoại hoặc taura hiểm mà luận rộng ra sự thực toàn thể và cố hữu. Sự dốt nát thông thường của coa người thuộc về những sự trạng ở xa xôi, óc lười biếng và dễ tin của độc giả đã khiến những ý niệm sai lầm về dân tộc ta còn mãi mãi. Nhưng khi phải quảng cáo cho công cuộc khai hóa của người Pháp ở Đông Dương thì sự giả trá lại nhằm một mục đích khác : khiến cho các nước trên hoàn cầu, và cả dân chúng Pháp nữa tưởng rằng công cuộc ấy vĩ đại lắm. Muốn thực háng mục đích này, người Pháp nhất là người thực dân ở xứ ta, chỉ tìm phỏ bày những cái gì đẹp họ đã làm ra, và tìm cách giấu diếm những cái gì hủ bại mục nát lắm, mà họ để tồn tại mãi, không tìm cách trừ bỏ đi, mà có khi lại làm nặng thêm lên. Dân quê ta nghèo và đói. Nhưng du khách ngoại quốc, và chính các ông chính khách Pháp qua

thăm xứ này nữa chỉ được xem những cái gì còn đáng bộ phỉ nhiều, sạch sẽ, cao đẹp của đây. Charles Rohequin trong cuốn « L'évolution économique de l'Indochine française » xuất bản năm 1939 có viết đại khái rằng: « Nếu người khách ngoại quốc bỏ quên đường cái quan cho trông thấy những chân giò lợn mọc mà rẫy vào thì người con của ông nó đi đến rẫy, thôn quê ở làng khác xa bao nhiêu đường cái ấy, thì sẽ thấy những cảnh tượng nhéo nhóc không đẹp để gì ». Ở những hội họp, yến tiệc lớn, một vài người Nam xu nịnh tang tặc công lao của « mầu quốc », và rồi là chuyển đạt những ý nghĩa trung thành và biết ơn của tất cả đồng bào họ. Cuộc dân cảnh đã có kết quả mỹ mãn!

Người ta nói đến những công trình của người Pháp như mở mang đường cái, cầu cống, liên lạc lớn, vệ sinh, y tế, v. v. . . . Khiếp! Phải nhận sự thực ấy, ta giả nhời xin giới thiệu luận ấy rằng: ở một nước chỉ có mọi đen đêm giết lẫn nhau, thì những công trình kiến thiết ấy thực đáng coi là một ơn huệ cho dân bản xứ. Nếu nước đi thực dân không điều khiển những xây dựng ấy thì dân bản xứ chịu không làm được vì trình độ thông minh của họ không cho họ làm nổi. Nhưng lý luận trên đây không thích hợp đối với dân Việt Nam, là một dân thông minh tài trí, va tiền bạc và có ý chí mạnh. Ai dám bảo người Việt Nam, tự sức mình tự cải tạo, sẽ đã không đạt tới, và có khi còn đi quá nữa, những kết quả kiến thiết hiện nay người ta bảo là do công ơn của người Pháp? Hãy thử xem gương duy tân của nước Nhật Bản trong khoảng hơn nửa thế kỷ nay. Và lại dưới thời Pháp đô hộ có những kiến thiết không vạ đem hạnh phúc đầy đủ cho nhân dân (những đường cái không có các quan chức đi qua luôn thì không được trông nom sửa sang, vệ sinh ở thôn quê vẫn đời đời...) Ấy thế mà các văn sĩ Pháp vẫn ưa tả cảnh Đông Dương dưới chế độ đô hộ của Pháp như một cảnh Đông-lai. M. Percheron, năm 1935, có viết ở tựa cuốn « Contes et légendes d'Indochine » những lời ngon ngọt

như sau này: « Cách 25 ngày đầu thủy, 7 ngày cuối mùa hay vòng tròn vương phong phú về thực địa cệp nhất của nước Pháp là xứ Đông Dương. Như người Nam rói, đó là « Nước Pháp thu hái »: du khách không thể giấu nổi sự ngạc nhiên khi thấy bao thành phố tối tân lớn, những đường rộng thênh thang trên đó hàng ngàn xe hơi, xe ca chày, sông đào, những ruộng trên đó cây máy thổi bì lịch, xe hỏa, lầu bay như mào cưỡi ngang trời. Không một đồ thị nào là không có điện, nước lọc, nhà thương; không một làng nào là không có trường học. Sự yên ổn, phong lưu và sức khỏe cả thay cho nỗi đói và lầm than: dân đông cũng thấy cấu vết chính sách thực dân tài trí của nước Pháp ». (Paris-Fernand Nathan-tr 5).

Những cảnh thiên đường tưởng tượng được phô bày ra như vậy, nhưng những cảnh địa ngục thì được giấu kín. Tàn sát những người ái quốc; Luyện cho dân trí quên phục tòng và xu nịnh, quên hẳn ý thức quốc-gia; để cho dân nghèo khổ, mãi mãi trong những lò sinh-hoạt cạnh-rong hủ bại; không mở mang kỹ-nghệ, đó cũng là công trình của người Pháp. Dân Việt Nam hơn 90 phần trăm thất học, cũng là do công trình khai thác của người Pháp đó.

Kết luận

Người Việt Nam, cũng như người Pháp, rất ghét tôn rập lệ và ham yên tự do. Lịch sử của Việt Nam chứng rõ sự tồn tại bất diệt của ý thức quốc gia và sự đối phó cương quyết và mãnh liệt của toàn dân với kẻ ngoại xâm. Người Pháp coi sự bị đô hộ như một đại họa, như một sự tử vong đen tối và sụp đổ thảm thê của tất cả hạnh phúc mà con người ta mong có. Sự được giải thoát khỏi vòng nô lệ người Đức trong năm vừa qua đã được người Pháp coi là một việc đại hạnh. Thế thì sao họ vẫn cố tưởng tượng rằng chúng ta có thể sống bả kê dưới sự đô hộ của một nước ngoài? Hay là họ cho hành động của họ là lộng đơ, mà có những lý tưởng của họ không phải là lý tưởng của ta?

Duyên cớ của sự trạng màu-thuần ấy cũng không có gì là khó hiểu : Như trên ta đã nói, sự ngộ nhận về trình độ văn minh của dân tộc ta, đã khiến một số người Pháp tin rằng họ đi thực dân để 'truyền bá văn minh, và lợi ích của họ nhân đạo lắm. Nhưng lẽ chính, đứng với sự thực tại, là vì lợi dụng vọng tham lam của kẻ đi xâm lược nấp dưới những thuyết lý thiếu thành thực, không đúng với thực tế. Lại một lẽ nữa : Trong thâm tâm người thực dân cũng có nhiều khi tích phản đạo lên tiếng, nhưng một hiện tượng tâm lý tự nhiên và thông thường khiến họ dẹp yên được thắc mắc của lương tâm ngay, đó là lòng kiêu hãnh quốc gia. Những cuộc đuổi quân Tàu ra khỏi bờ cõi trong lịch sử Việt Nam, được chúng ta coi là những trạng sử vẻ vang. Nhưng người Trung Hoa liệt những ngày ấy vào lịch sử những thất bại đáng hổ. Người Pháp, vì lòng hãnh quốc gia, cũng coi sự xâm chiếm đặc biệt một nước khác là một

việc danh liệt trong lịch sử nước họ, tổ sự hùng cường của họ, mà chẳng cần phải xét xem sự xâm lược nước người có chính đáng không. Cuộc thất bại ngày mùng 10 tháng 12 1945 họ coi là một sự thua kém đáng hổ. Nhưng ngày nay những tư tưởng lạc hậu ấy các nước cần phải cố can đảm diệt bỏ hết đi. Ở thế giới tương lai, mỗi nước phải có quyền sống-tự do và thực hiện nguyện vọng của họ. Hành động nào hợp với nguyên tắc ấy là vinh dự, hành động nào trái với nguyên tắc ấy là đáng hổ. Từ nay, trong lịch sử các nước trong thế giới, sự giải phóng các dân tộc và sự trọng tự do của các dân tộc ấy phải ghi là vẻ vang, sự đoạt cướp tự do của người phải coi là những hành vi vô nhân đạo và điếm nhục. Nhân loại, nếu không muốn tự hạ và trở lại dã man, phải nhận rõ cái lý tưởng giản dị và dễ hiểu ấy.

Đ. G. T.

CUỘC TRUNG BÀY SÁCH ĐẸP

Từ 24-5-45 đến 2-6-45, tại phòng Thống
Tin sẽ có một cuộc trưng bày nhiều
sách đẹp, in trên những loại giấy đặc
biệt, phần nhiều có trước số và chữ ký
tác giả. Những sách này, Liên Đoàn
Xuất bản Việt Nam sẽ bán lấy tiền
giúp quỹ cứu tế trong buổi họp văn
thuơng và nghệ thuật tại Khai- Tri
Tiến Đáo 9 giờ sáng chủ nhật 3-6-45

Muốn rõ :

- Con đường Văn - hóa hiện - tại và
tương lai phải thế nào ?
- Văn - bản duy - nhất của Văn - hóa
Đông-Phương.
- Công Nhượng - Tống với Hồ - trợ
luận, vấn đề...

Xin đón coi : DUY NHẤT số 5

Cơ-quan kiến thiết một nền văn-hóa
duy - nhất khoa - học và đạo - học

GIÁ BẢO

Mỗi số 1d50

Nửa năm 18. 00

Cả năm 35. 00

Tổng phát hành toàn cõi :

NHÀ IN QUANG HOA

173, Hàng Bông, — Hà - nội

Mua báo xin trả tiền trước, gửi cho ông Lý
quốc Sinh, Trị-sự ủy-viên, theo địa chỉ trên

NGƯỜI PHÁP ĐÃ HIỂU NHỮNG

CUỘC CÁCH MẠNG

VIỆT-NAM NHƯ THẾ NÀO ?

TRỌNG ĐỨC

(Tiếp theo số 103)

« ... Dù sao, nguyên-nhân thực sự của mỗi tai-uương chính là chủ-nghĩa cộng-sản. Cho rằng không có một đảng cộng sản Đông-dương thì thực là một sự nói dối táo bạo.... Người ta nói rằng đa số dân chúng cần-lao vẫn không bị ảnh hưởng của sự tuyên truyền cộng-sản. Có thể nói thế này đúng sự thực hơn: nếu chủ nghĩa cộng-sản không bình-trướng tai hại ở Đông-dương trước hết là nhờ ở ảnh hưởng của những hội Truyền giáo gia-tô... Về việc này cứ nghe lời tuyên bố của viên cựu toàn-quyền Alexandre Varrenne — không phải là người thân nhà thờ, — thì đủ rõ: « Tôi có thể quả quyết với ngài rằng tôi đã chỉ được yên tâm ở hai phía: các nhà Truyền giáo và quân đội ».

« Vẫn biết chủ-nghĩa cộng-sản đã ghép với ý-tưởng chống Pháp và nguyện vọng độc lập sẵn có của dân Đông-dương từ trước, nhưng những việc xảy ra trong mấy năm gần đây thì hoàn toàn có những nguyên-nhân và tính-cách cộng-sản....

Thế mà chính đảng cộng-sản ở chính quốc đã nâng đỡ và khuyến khích bọn phản-ngịch Đông-dương. Một trong những viên thủ-lĩnh khôn ngoan và nguy hiểm nhất của đảng cộng-sản Đông-dương là Nguyễn Thái Học! đã nói rằng: « Chúng ta sẽ thắng vì chúng ta được bênh-vực ở bên Pháp. » (!)

« ... Sự hoạt-dộng cộng-sản còn có ở Đông-dương là do sự nhàn-ảnh, hay có thể-nói được sự đông-lối, của một số người đại diện của Chính-phủ....

« ... Ta sẽ nhớ trong số mười ba tên phản-ngịch ở Yên-Bái bị Hội-dồng tế-hình khép án tử-hình mà rồi đến chín tên được cả án thành-khố sai ..

Hội tháng chạp năm trước những viên đặc-biệt Nam-kỳ đã dành cho ông Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa bức điện-tín sai này: « Lẽ này ông toàn quyền Pasquier đã hết hạn năm năm, chúng tôi có bổn-phận báo-tell ngài biết tình hình suy-nauợc của Đông-dương chỉ vì những nhảm-lũ (trong chính-sách cai-trị của ông và nhất là chính-sách tài-chính do ông Diethem điều-khiển). Mặc dầu những sách báo ca-tụng ông toàn quyền do công-quỹ chịu phí-tồn về việc xuất-bản, xứ Nam-kỳ hiện đang hấp hối: canh nông nguy ngập vì tiền vàng, thương-mại đình-chệ, công-chức bị rút bớt một cách bat công, ngân sách hụt đi một phần ba, mọi công tác thường đều dừng lại. Hiện thời thuế thu hao hụt. Những cuộc bầu cử hội-viên thành-phố Sài-gòn vừa rồi chứng tỏ sự phản đối toàn thể. Sự đánh-cuê không phải do cuộc thiếu-giới khủng hoảng mà do lỗi của nhà cầm quyền của chính-sách ngân hàng và tiền tệ trái với quyền lợi dân bản-xứ và nông dân, những quyền lợi đó chỉ phớt sự sinh hoạt toàn xứ và tức là tất cả mọi quyền lợi của nước Pháp... Chúng tôi tha thiết xin chính quốc đừng tái cử ông toàn quyền Pasquier và gọi ông « phạm đồ: tài-chính Diethem về. Yêu cầu đề-cử làm toàn quyền một nhân-viên nào trong nghị-viện sẽ theo đuổi một chính-sách không lệ-thuộc những lực-lượng tư-bản, mà thực quan àn đến quyền lợi dân bản xứ và thanh danh của dân tộc Pháp ».

Bức điện tín đó do Hội-dồng Thuộc-địa, Hội-

đồng thành-phố, Phòng canh-nông Nam-kỳ ký. Người ta rất lấy làm sửng sốt trước một bức điện văn gửi chính thức như vậy, trước một hành động như vậy chỉ làm mất thanh thế của chính-phủ thuộc-địa trước mắt dân chúng bảo-xử. Người ta đã đến lại những chứng cớ và những lợi khí cho bọn chủ trương phản-ngịch...

Sau hết chính ngay một viên quan-cử cao-cấp và có giá-trị như ông toàn quyền Pasquier mà cũng đã bỏ là tuyên bố với một nhà báo Sài-gòn như thế này: « Một ngày kia nước Việt-Nam sẽ trở nên một đại cường quốc trên bờ Thái-bình-dương... » Gây cho đám dân bản xứ những ảo vọng như vậy thì thực nguy-hiểm vô cùng. Là vì họ sẽ hiểu như thế này: « Một ngày kia đến người Pháp sẽ bị trục-xuất ra khỏi Đông-dương... »

*

Những sự kiện đã chứng tỏ rằng từ mười lăm năm nay những huấn lệnh của một tổ-chức chính trị vừa đi ngược lại chính sách thực-dân về nguyên tắc, vừa thuận lợi cho công cuộc cách mệnh cộng-sản, đã là nguyên nhân hoặc đã có ảnh-hưởng cho những quyết định của phủ toàn quyền Đông-Dương.

« Hiện nay Đông-Dương đang bày ra cảnh tượng một xứ thuộc-địa ở đó chính-quốc, ngược với sự chính đáng của công việc mình làm liền tìm cách che giấu kẻ thù để có thể tự tha thứ cho chính sách bảo-hộ của mình... »

*

Tất cả cái dụng tâm của bọn người Pháp sang cai trị xứ Đông-Dương thực đã bộc lộ ra trong bài báo mà những đoạn chính đã thuật lại trên đây. Bài báo đó không ký tên ai hết, nhưng ta thừa đoán được tác giả chỉ là một người trong bọn cai-trị đó, hoặc giả đã hèn nhát không dám đề rõ tên mình ra, hoặc giả có cái manh ý muốn che mắt, đánh lừa đồng bào của hắn ở bên chính quốc.

Kẻ đó đã lừa dối người khác ở những điểm nào?

Trước hết hẳn muốn cho người ta tin rằng dân Việt-Nam rất hoan nghênh sự bảo hộ của nước Pháp và những âm mưu phản nghịch đều do một nhóm người hoặc chỉ là những lễ giặc cướp thò ra, hoặc có những tư-tưởng bài ngoại và thù hận về chủng tộc. Hơn nữa có một cách kết tội có hiệu quả hơn hết là họ gán cho những cuộc bạo động kia tính cách hoàn toàn cộng-sản chứ không phải quốc gia chi hết.

Đề thư hai là kẻ viết bài báo kia cố ý không công nhận lễ tiến hóa của các dân tộc Á-đông, nhất là dân tộc Việt-Nam mà hẳn cho là bất lực và đồ dốt cho là đã không tài nào hiểu được mà lại còn làm sai lạc cả những tư-tưởng, triết-lý Âu-tây, và vì thế không nên mở mang các ngành trường học và đại học ở xứ Việt-Nam làm gì.

Đến như về cách đối đãi của bọn thống trị Pháp với những người làm chính-trị ở xứ này, thì kẻ viết bài báo kia đã hết sức mặt sát chính-sách khoan hồng quá đáng của vài người. Nhưng sự thực họ có khoan hồng hay không? Thiết tưởng không ai còn lạ gì sự khoan-hồng đó chỉ là cái kế-hoạch « ru ngủ » của một hạng thực dân quỷ-quyệt như Alexandre Varenne lại đáng sợ hơn gấp trăm ngàn cái 'hạng vũ-phu thẳng tay tàn nhẫn như René Robin.

Trên đây chỉ là vài đặc điểm mà tôi nêu lên sau khi, thuật lại những đoạn chính của bài báo đã nói đến trong kỳ trước. Nhưng phải đọc cả nguyên-văn bài báo đó ta mới cảm thấy hết cái thâm ghê tởm của tác giả. Ta cũng nên chú ý rằng một bài báo như vậy, sặc sùng một tinh tinh đồ-kỵ, thiên-tư, tàn-nhẫn, mà đã đăng trên một tờ tạp chí có dựa vào bậc nhất của nước Pháp thì ta đủ hiểu dân Pháp ở bên chính quốc đã bị lường gạt lừa dối như thế nào và hơn nữa ta thấy lộ ra rõ ràng cái chân tướng của chính sách thực dân của nước Pháp mà bọn cầm quyền đã không quên mỗi miệng ca tụng ở khắp nơi và trong bất cứ lúc nào.

TRỌNG ĐỨC

NHỮNG RUỘNG BỎ HOANG

(Tiếp theo trang 6)

làng nào, đem về làng này. Còn ba ban, thì một ban giữ lại ở huyện-lỵ, này pnu hoặc châu, còn hai ban tức khấc phải gửi lên tỉnh-trưởng. Vì tỉnh-trưởng giữ lại một ban, xếp thư từ theo từng huyện, từng làng, còn một ban để lên điện thủ-hiền. Ở đây những ban khấc cũng phải xếp theo thư từ từng tỉnh, huyện, làng, báo về việc tra cấp. Như vậy, ai muốn biết nơi nào có ruộng bỏ hoang, có thể tùy tiện đến hơn nơi: điện thủ-hiền, ban giấy tỉnh-trưởng, huyện trưởng hay nhà riêng lý-trưởng, mà đọc những ban khai, sẽ được biết một cách nhanh trong và rõ ràng.

Nếu có những thửa ruộng nằm tại ngoài, giữa địa phận hai làng, thì chủ ruộng làng nào, lý-dịch làng ấy phải khai, nếu chủ ruộng không ở làng nào cả mà ở tỉnh khác hay làng khác, thì người lân cận ở làng nào làng ấy phải khai, hoặc nhà cửa để cho người ở trông nom ruộng ở địa phận làng nào lý-dịch làng ấy phải khai thửa ruộng ấy.

Muốn biết chắc chắn rằng những tờ khai của các lý-dịch thật, đúng và không có gì gian trá, phải đặt những ban kiểm sát. Có ban kiểm sát hàng huyện (hoặc hàng pnu, hoặc châu). Lại có ban kiểm sát hàng tỉnh. Ban kiểm-sat hàng huyện, có ông huyện trưởng, một ông thanh-sa sanh-nong và một ông tham tá địa-chính do ông tỉnh-trưởng đề cử. Ban ấy, theo như những tờ khai của các làng, đi phục lại một lượt khắp các

làng trong huyện xem có sai nhảm gì thì bỏ khuyết lại; nếu lý-dịch có ý gian dối, thì nghị tội. Ban kiểm-sat hàng tỉnh có ông tỉnh-trưởng, một ông kỹ-sư canh-nông, và một ông kỹ-sư địa-chính do ông thủ-hiền đề cử. Ban này chỉ làm việc khi có việc gì quá-mức lắm, và có quyền kiểm-sat lại công việc của ban kiểm-sat hàng huyện.

Nếu thế, trong một thời hạn rất ngắn, trong toàn xứ, sẽ có những bản thông-kê rất hoàn-bĩ số ruộng bỏ hoang. Một cái tính cộng đủ cho nhà đương cục biết rõ diện tích của những ruộng hoang. ấy là bao nhiêu, và ước-lượng cái kết quả của chương-trình khai khẩn sẽ như thế nào. Nhưng cái kết-quả ấy đẹp hay xấu, là do cách tổ-chức sự phân chia và cách giống giết những khu ruộng bỏ hoang ấy.

Thế lệ phân chia và cách tổ chức giống giết

Đọc xem những ban kê, mọi người có thể chọn lấy những khu nào muốn đến cho việc khai khẩn đất tại xin. Mọi xin đi đến các ông tỉnh trưởng, hoặc có thể giao qua tay các ông phủ, huyện, lý trưởng do đề lên ông thủ trưởng. Đây là bắt đầu việc thực hành muốn cho kết quả mỹ mãn, chính phủ phải giúp một phần lớn cho những người xin giống giết. Việc giúp ấy cốt từ cơ sở điều: định rõ quyền lợi của người xin cấy cấy để họ yên tâm làm ăn, và giúp cho họ dễ công cuộc canh tác về các phương diện.

(Còn nữa)

HỘI TẠI:
MINH NGỌC

Tiệm giải khát
65, Phố Lò Đúc
HÀ-NỘI

SỮA SOJA

Đề thay các thứ sữa hiện nay không có. Các ngài chỉ nên dùng sữa SOJA chế theo khoa học đủ các chất bổ như sữa tươi.

CHỦ NHẬT 3-6-1945 HỜI 9 GIỜ SÁNG
TẠI KHAI TRÍ TIỀN ĐỨC
BUỔI HỘI HỢP VĂN CHƯƠNG
NGHỆ-THUẬT

BÌNH VĂN — NGAM THƠ
HÒA NHẠC — CA HÁT
BÁN SÁCH QUÝ

LIÊN-ĐOÀN XUẤT-BẢN VIỆT-NAM
tổ chức

GIÚP QUỸ TỪ THIỆN
TỔNG HỘI CỨU-TẾ BẮC-KỲ
ỦY-BAN CỨU-TẾ HÀ-TỈNH

Giải thưởng Văn Chương

HỘI TRI-THỀ-DỤC THÁI-BÌNH

THỀ-LỆ RIÊNG

GIẢI A (chung cho tất cả các nhà văn)

ĐAU-ĐỀ : « so sánh các phương-pháp giáo-dục Đông và Tây »

Chọn phương-pháp nào thích-hợp cho sự cải-tạo Thanh-Niên hiện-đại.

- 1.— Theo đề viết một cuốn sách bằng quốc-ngữ giải ít nhất 300 trang giấy khổ 21 X 27 ;
- 2.— Phải là sách trước-tác hay biên-khảo chứ không nhận sách dịch ;
- 3.— Phải viết lối văn phổ-thông để có thể làm sách phổ-thông giáo-dục ;
- 4.— Sách khảo-cứu thì phải biên rõ sách đã tham-khảo, tên tác-giả và số trang lược trích văn ;

GIẢI B (dành riêng cho các nhà văn Thái bình)

ĐAU-ĐỀ : « Tùy ý chọn tiêu-thuyết, kịch, phóng-sự, phiên-dịch về các loại triết-học, lịch-sử, địa-dư, khoa-học v. v. »

- 1.— Sách viết bằng quốc-ngữ giải ít nhất 100 trang giấy khổ 21 X 27 ;
- 2.— Phải viết lối văn phổ-thông ;
- 3.— Các bảng thống-kê các niên-hiệu trong sách phải ghi rõ là lấy ở đâu ;
- 4.— Không nhận sách thi-ca và vấn-đề giáo-dục ;

GIẢI THƯỞNG

Giải A — 1 giải 1.000đ (nay tăng lên thành 1 500đ) 1 giải khuyến-khích 500đ

Giải B — 1 giải 500đ 1 giải khuyến-khích 200đ

THỀ-LỆ CHUNG

- 1.— Hạn nhận sách : 30 juin 1945 là cùng ;
 - 2.— Sách được thưởng, bản-quyền thuộc về hội Tri-Thề-Dục, nhưng mỗi lần xuất-bản tác-giả được hưởng 10% tiền lãi về số sách bán được ;
 - 3.— Sách thì phải gửi bảo-đảm cho ông hội-trưởng T. T. D. Thái Bình trong phong bì kín, không được để tên thực. Tên hiệu và tên thực phải viết vào một phong bì, dán kín khác ;
 - 4.— Hội T. T. D. có quyền không phát thưởng nếu không có tác phẩm xứng-đáng tặng thề hội văn tặng giải khuyến-khích cho tác-phẩm có giá-trị nhất ;
- Các nhà văn dự-thi có điều gì muốn hỏi xin viết thư cho ông Thủ-Thư hội Tri-thề-dục Thái bình.

Điều lệ bổ-khuyết về giải-thưởng văn chương Tri-Thề-Dục.

Ban Văn-Học Hội Tri-Thề-Dục đã họp và đã định bổ khuyết điều-lệ giải-thưởng văn-chương Tri-Thề-Dục như sau này : Đợt thêm một-giải-thưởng về thi ca.

Chỉ nhận những bài thi ca các thể lục-bát, song-thất-lục-bát. Đường luật và thơ mới ít nhất là 60 câu, và có tinh cách tuýn truyền tinh thần độc-lập và tinh thần ái quốc của nước Việt-Nam mới.

Có 3 giải thưởng : Giải nhất 1.500đ khuyến khích : 500đ

Giải nhì 500đ khuyến khích : 200đ

Giải ba (Thi-ca) 200đ

Thái Bình, ngày 18 tháng 5 năm 1945

Ban Văn-Học Tri-thề-dục thông cáo

THỀ LỆ CHUNG KHÔNG THAY ĐỔI